



Mục lục

SỰ KIỆN

3 VŨ VĂN:

Ý nghĩa trọng đại của Cách mạng Tháng Mười Nga

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

11 NGUYỄN QUANG THUẤN:

Tư tưởng Ph.Ăngghen về xây dựng chính quyền - ý nghĩa với Việt Nam hiện nay

22 VŨ VĂN HIỀN:

Phải chăng, từ Đại hội XIII trở đi không nên nói đến chủ nghĩa xã hội nữa?

39 NGUYỄN VĂN THẠO:

Có phải chỉ thực hành kinh tế thị trường, tam quyền phân lập, xã hội dân sự thì nước ta mới phát triển theo dòng thời đại?

52 PHẠM VĂN LINH:

Phải chăng, muốn phát triển, Đại hội XIII cần bỏ cụm từ "nền tảng tư tưởng", cứ lý thuyết nào đúng thì theo?

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

67 TRẦN QUỐC TOẢN:

Vai trò đột phá của khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới



SỰ KIỆN

Ý NGHĨA TRỌNG ĐẠI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA

● VŨ VĂN

"...Dù người ta nghĩ thế nào về chủ nghĩa bôn-sê-vích chẳng nữa cũng không thể chối cãi được rằng: Cách mạng Tháng Mười Nga là một trong những sự kiện lớn của lịch sử nhân loại..."

GIỖN RÍT



Cách mạng Tháng Mười Nga là một trong những sự kiện lớn của lịch sử nhân loại

Ảnh: TL

Một thế kỷ đã trôi qua, kể từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, cuộc cách mạng đã làm cho mơ ước ngàn đời của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột về cuộc sống tốt đẹp, về khả năng xây dựng một xã hội mới công bằng, văn minh đã trở thành hiện thực. Vì thế Cách mạng Tháng Mười Nga được ghi nhận là cuộc cách mạng giải phóng xã hội, giải phóng con người. Nhưng chính vào những ngày kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga, trong gần ba thập kỷ qua, đã xuất hiện không ít những luận điệu xuyên tạc, bôi đen Cách mạng Tháng Mười Nga, công kích quyết liệt lý tưởng và sự nghiệp cao cả của cuộc cách mạng vĩ đại này. Những luận điệu đó đổi trắng thay đen, coi Cách mạng Tháng Mười Nga là một thể nghiệm sai lầm, là cuộc cách mạng phi lý, không tưởng, kéo lùi sự phát triển của loài người. Cái cơ mà họ đưa ra vẫn chỉ là coi sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã đặt dấu chấm hết đối với Cách mạng Tháng Mười Nga. Đúng là kể từ khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, gần ba thập niên vừa qua là tổn thất

nặng nề nhất và đau buồn nhất đối với các đảng cộng sản, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Nhưng không vì thế mà Cách mạng Tháng Mười mất đi ý nghĩa lịch sử nhân loại.

I

1. Cách mạng Tháng Mười Nga là sự đột phá quan trọng tạo ra sự thay đổi trình tự phát triển của các nấc thang trong xã hội

Nghiên cứu lịch sử xã hội loài người, C.Mác đã khái quát nó qua sự phát triển các phương thức sản xuất kế tiếp nhau và gọi đó là các hình thái kinh tế - xã hội. Quá trình phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là quá trình lịch sử tự nhiên. Sự thay đổi hình thái kinh tế - xã hội này bằng hình thái kinh tế - xã hội khác nhất định sẽ diễn ra và phải có điều kiện: hình thái cũ đã mất hết khả năng tự phát triển và trở thành lực cản xã hội. Chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ bị chủ nghĩa xã hội thay thế, và điều đó sẽ xảy ra ở những nước mà chủ nghĩa tư bản phát triển đến đỉnh cao.

Trước Cách mạng Tháng Mười, chủ nghĩa tư bản Nga còn ở giai đoạn phát triển thấp. Phải có sự phát triển hơn nữa thì chủ nghĩa tư bản ở đây mới có

thể tạo ra những tiền đề cho xã hội mới. Cũng vì vậy, không ít các nhà dân chủ - xã hội Nga cho rằng: trước tiên, cần tạo ra những tiền đề văn minh cho chủ nghĩa xã hội, sau đó giai cấp công nhân mới có thể giành chính quyền và xây dựng chủ nghĩa xã hội. V.I. Lênin và Đảng bôn-sê-vích Nga đã vận dụng sáng tạo các luận điểm của C.Mác vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước Nga bằng việc trước tiên giai cấp công nhân giành lấy chính quyền, rồi sau đó dựa vào chính quyền của mình, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Sự vận dụng sáng tạo đó của V.I. Lênin là có căn cứ thực tế. Nước Nga Sa hoàng lạc hậu hơn các nước tư bản rất nhiều, xã hội vô cùng thối nát. Đã thế, nó lại bị cuốn vào cuộc chiến tranh đế quốc nên càng gặp khó khăn gấp bội. Mặc dù ở Nga, mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản chưa thật sâu sắc nhưng đã xuất hiện tình thế cách mạng vì mâu thuẫn trong lòng xã hội đã gay gắt đến tột độ. Đó là mâu thuẫn giữa giai cấp thống trị với các tầng lớp lao động và binh lính. Khẩu hiệu “Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến tranh cách mạng” là khẩu hiệu sáng tạo. Cách mạng Tháng

Mười Nga đã nổ ra và thành công. Sự “đột phá Tháng Mười” mở đầu cho một xu thế mới của lịch sử thế giới. Nước Nga đứng trước một thách thức vĩ đại của lịch sử: Chủ nghĩa xã hội khoa học vượt ra ngoài lý thuyết, đi vào thực tiễn trong một nước tư bản chủ nghĩa chưa phát triển, tàn dư phong kiến còn nhiều, lại bị kiệt quệ sau chiến tranh. Nó phải giải quyết một cách rất sáng tạo hàng loạt vấn đề chưa có tiền lệ.

2. Cách mạng Tháng Mười Nga tạo xung lực mạnh mẽ làm thay đổi thế giới

Sự phát triển của xã hội loài người từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga đã chứng tỏ những đóng góp của Cách mạng tháng Mười Nga là rất to lớn.

Thế giới trước Cách mạng Tháng Mười Nga là thế giới của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu sau chiến thắng chủ nghĩa phong kiến đã bành trướng ra khắp thế giới với sức mạnh kinh tế, chính trị, quân sự chưa từng có. Các nước tư bản phát triển trở thành trung tâm vũ trụ, chi phối mọi mặt đời sống quốc tế. Cách mạng Tháng Mười Nga nổ ra và thắng lợi đã làm cho hệ thống tư bản chủ nghĩa bị phá

vỡ một mảng lớn. Các dân tộc bị áp bức bưng bình, bung ra với một động lực mới. Các nước tư bản phát triển không còn có thể mặc sức bành trướng, tự do “tranh ăn” với nhau bằng những xung đột, kể cả chiến tranh thế giới. Không có Cách mạng Tháng Mười Nga thì không thể có phong trào giải phóng dân tộc quốc tế lớn mạnh, dẫn tới sự sụp đổ hoàn toàn hệ thống thuộc địa, giải phóng hàng loạt nước trên thế giới như gần thế kỷ vừa qua đã chứng thực.

Cách mạng Tháng Mười Nga tạo ra một khả năng mới cho sự phát triển của các dân tộc, tạo ra đối trọng mới để thế giới cân bằng. Trước Cách mạng Tháng Mười Nga, chế độ tư bản chủ nghĩa hiện diện như một định mệnh. Các nước nhỏ, nghèo nàn, lạc hậu, các nước thuộc địa nhìn thấy thực trạng của nhà nước tư bản chính quốc mà kinh hãi. Chủ nghĩa tư bản phát triển trên máu và nước mắt của người lao động. Tích lũy tư bản là tích lũy sự giàu sang, cũng là tích lũy sự khốn khó. Sự xuất hiện một nước Nga Xô viết, tiếp theo là hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa khác, đã thành tấm gương lớn, thành

một sức hút mạnh mẽ. Chủ nghĩa xã hội chưa mang lại sự giàu có hơn chủ nghĩa tư bản vì điểm xuất phát quá thấp, nhưng nó cũng đã làm được nhiều việc hơn chủ nghĩa tư bản trong việc xóa bỏ áp bức, bất công. Đó là sự đáp ứng nhiều mặt khát vọng của con người.

Không ai có thể phủ nhận sự thật sau đây:

Chủ nghĩa xã hội đã từng là một hệ thống hùng mạnh trên thế giới. Với hơn 10 nước, trên 1,5 tỷ người, trong đó có nước đứng vào hàng siêu cường, là một trong hai khối kinh tế, chính trị, quân sự hùng mạnh. Chủ nghĩa xã hội hiện thực trong một thời gian dài đã là chỗ dựa tin cậy của các nước thuộc địa, của phong trào giải phóng dân tộc, vì thế, đã làm cho chủ nghĩa tư bản phải kiêng nể. Chính nhờ có đối trọng ấy mà thế giới vừa qua có sự cân bằng nhất định, đỡ bị áp đặt, chèn ép, đe dọa từ phía các thế lực tư bản từng thống trị thế giới trước đây, ngăn ngừa được thảm họa chiến tranh hạt nhân. Chủ nghĩa xã hội hiện thực không chỉ là nhân tố cần thiết cho hòa bình và ổn định thế giới, mà còn là điều kiện không thể thiếu

để các nước nhỏ có được độc lập, tự do thật sự.

Cách mạng Tháng Mười Nga đã làm cho ngay các nước tư bản chủ nghĩa cũng phải có sự thay đổi căn thiết. Chủ nghĩa tư bản tới nay còn đứng vững và phát triển được là vì bản thân nó đã có nhiều thay đổi khác trước. Chủ nghĩa tư bản hiện đại là chủ nghĩa tư bản có sự điều chỉnh và thích nghi. Có một điều chắc chắn là: ngày nay chủ nghĩa xã hội vẫn là một yếu tố quan trọng tham gia quyết định chiều hướng phát triển của thế giới, chủ nghĩa tư bản đã không thể “tự nở”, mà phải “vì nở”. Những thay đổi của chủ nghĩa tư bản trong chiến lược kinh tế, chính trị và trong các chính sách về phúc lợi xã hội, về lương, về bảo hiểm... đều do kết quả đấu tranh của gia cấp những người lao động và cùng với nó, là có phần tác động của chủ nghĩa xã hội.

II

Thế giới trong những thập kỷ qua đã thay đổi chưa từng thấy, đặc biệt là xảy ra sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, thành quả trực tiếp do cách mạng Tháng Mười Nga đem lại.

Trước hết cần xác định: sự sụp đổ đó, tuyệt nhiên không thể quy tội cho Cách mạng Tháng Mười Nga. Đó cũng không phải là sự tiêu vong của chủ nghĩa xã hội. Lịch sử đã chứng tỏ Châu Âu sau một loạt cuộc cách mạng tư sản đầu đã thuần chất tư sản. Ở Pháp, không ít năm sau Cách mạng tư sản, thế lực quân chủ phong kiến vẫn còn trỗi dậy. Thành quả do Cách mạng Tháng Mười Nga đem lại có thể bị mất đi ở nơi này, nơi khác, nhưng Cách mạng Tháng Mười Nga trước sau vẫn là cột mốc lịch sử báo hiệu một chiều hướng và khả năng phát triển mới của nhân loại.

Cách mạng Tháng Mười Nga đã đặt ra những nhiệm vụ cụ thể và đã thực hiện được sứ mệnh của nó. Những thành quả của nó không thể lực nào có thể phủ nhận, cho dù đang bị thử thách. Sự khủng hoảng và đổ vỡ của hệ thống xã hội chủ nghĩa hiện nay do nhiều nguyên nhân. Có những nguyên nhân khách quan và có những nguyên nhân chủ quan.

1. Những nguyên nhân khách quan

Cách mạng Tháng Mười Nga mang tính chất đặc thù. Đây không phải là cuộc cách mạng thủ tiêu xã hội tư bản

chủ nghĩa khi xã hội đó đã phát triển đến tột đỉnh và mâu thuẫn nội tại gay gắt tới mức không thể điều hòa, mà đây là cuộc cách mạng chống chiến tranh đế quốc diễn ra ở một nước tư bản chủ nghĩa thuộc loại lạc hậu ở châu Âu. Và chính điều đó đặt cuộc cách mạng sau đó trước những nhiệm vụ khó khăn chưa từng thấy. Nếu không có sự nỗ lực lớn, không có bước đi, phương pháp thích hợp, thì việc phải trả giá nặng nề, thậm chí bi đát là điều khó tránh.

Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa không chỉ phải vượt qua sức ỳ to lớn của các thực trạng kinh tế- xã hội lạc hậu, thua kém xa các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, mà chủ nghĩa xã hội hiện thực còn phải thường xuyên đương đầu với sự chống phá điên cuồng mang tính phục thù của chủ nghĩa tư bản. Bằng mọi thủ đoạn kinh tế- chính trị, quân sự, văn hóa, tư tưởng, các thế lực đế quốc đã không ngừng gây sức ép, làm suy yếu, và là nhân tố dẫn đến làm tan rã nhiều nước xã hội chủ nghĩa.

2. Những nguyên nhân chủ quan

Sự lãnh đạo của một số đảng cộng sản cầm quyền ở các nước xã hội chủ

nghĩa, bên cạnh những thành tích và ưu điểm, còn có nhiều thiếu sót, sai lầm, thể hiện ở một số điểm sau:

Một là, duy ý chí, cứng nhắc và chủ quan. Các đảng khi nắm quyền thường tự đưa ra nguyên tắc, quy luật, mô hình theo một dạng, một kiểu, rồi tự buộc mình phải vận động trong khuôn khổ và theo tiêu chí đã định. Như vậy, chủ nghĩa xã hội tại các nước đó đã không tránh khỏi trì trệ, rập khuôn, thiếu khoa học, mất khả năng sáng tạo, làm cạn kiệt tiềm năng vốn có, ngày càng lạc hậu với thời đại, thua kém chủ nghĩa tư bản về nhiều mặt. Mặt khác, cầm quyền mà duy ý chí, cứng nhắc và chủ quan thì cũng rất dễ dẫn tới chuyên quyền, độc đoán, gia trưởng, sùng bái cá nhân, quan liêu, xa rời quần chúng, đứng trên giai cấp. Và đã “sai lầm kép” như vậy thì đảng cầm quyền sẽ dần dần mất đi sức mạnh của mình là sự ủng hộ của quần chúng nhân dân, không thể đứng vững trước thủ đoạn mị dân và sức ép về mọi mặt của các lực lượng thù địch.

Hai là, vi phạm, xa rời và từ bỏ những nguyên tắc cơ bản chủ nghĩa Mác- Lênin, của chủ nghĩa xã hội. Có thể nêu một số trường hợp.

Cải tổ, cải cách là cần thiết để chủ nghĩa xã hội khắc phục được những biến dạng tai hại. Nhưng coi cải tổ như một sự phủ định sạch trơn thì chẳng khác gì từ bỏ, chống lại Cách mạng Tháng Mười Nga, đi chệch mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Phát triển nhận thức, tư duy mới là cần thiết nhưng không thể nhân danh tư duy mới đi đến phủ nhận tất cả, phủ nhận quan điểm, lập trường giai cấp, rồi phủ nhận luôn học thuyết cách mạng là chủ nghĩa Mác-Lênin.

Dân chủ là cần, là hoài bão, là nhu cầu bức xúc của xã hội văn minh. Nhưng dân chủ tràn lan, vô tổ chức, không có van hãm, thì lại thành vô chính phủ.

Không thể không cảnh giác với vấn đề đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Không ít đảng cộng sản cầm quyền vì thực hiện đa nguyên, đa đảng như thế nên đã mất chính quyền, và sau đó lại không được hưởng chính chế độ đa nguyên, đa đảng do mình đã để ra.

III

Từ tình hình trên có thể rút ra một số bài học lớn:

Bài học về nguyên tắc. Phải tránh

cả hai cực đoan: Một phía là nguyên tắc hóa vô tội vạ, quy luật hóa tràn lan, mô hình hóa cứng nhắc; và cực đoan phía khác là vi phạm và xa rời nguyên tắc, từ bỏ nguyên tắc và vô nguyên tắc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói; “Đĩ bất biến, ứng vạn biến”. Phải có nguyên tắc bất di bất dịch. Đó là sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; là việc bảo vệ và củng cố chính quyền nhân dân. Phải phân biệt được những gì là nguyên tắc, định hướng, những gì là giải pháp tình thế. Phong trào cộng sản phải tiếp tục sự nghiệp Cách mạng Tháng Mười Nga, nhưng không khát khao đeo bám những kinh nghiệm quá khứ, mà luôn luôn sáng tạo, mở cửa, để bước đi theo nhịp bước của thời đại.

Bài học về sự đổi mới. Chủ nghĩa xã hội là sự vận động không ngừng. Chủ nghĩa xã hội cần phải đổi mới. Sự nghiệp đổi mới cần được tiến hành thường xuyên liên tục. Nhưng đổi mới cũng phải có định hướng, chỉ đạo. Đổi mới sáng tạo có kế thừa chú không phải là xóa bỏ sạch trơn. Đổi mới phải bảo đảm tình hình ổn định, bảo đảm

trật tự, kỷ cương chứ không thể là sự đảo lộn, hỗn loạn vô chính phủ.

Bài học cảnh giác. Cách mạng đã thành công - chưa đủ. Cách mạng đã đúng vững và đã trải qua những thử thách - cũng vẫn chưa đủ. Chúng ta đều biết, cách mạng Tháng Mười Nga có sức sống vô cùng mạnh mẽ; chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã từng chiến thắng chủ nghĩa phát xít; Liên Xô đã xây dựng được cơ sở vật chất kỹ thuật hùng hậu và trở thành một cường quốc hàng đầu thế giới. Thế mà chúng ta đã chứng kiến sự tan rã nhanh chóng của Liên Xô và chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu. Vậy luôn luôn phải đề cao cảnh giác. Cảnh giác với nhiều loại kẻ thù chính trị, tư tưởng, gây sức ép từ ngoài và đục phá từ trong. Cảnh giác với các thế lực hiếu chiến, phản động, không bao giờ từ bỏ dã tâm tiêu diệt chủ nghĩa xã hội hòng giành lại vị trí đã mất.

Chúng ta lại còn cảnh giác với chính mình, với những căn bệnh nảy sinh trong xã hội như bệnh quan liêu, bệnh tham nhũng, bệnh kiêu ngạo cộng sản, “tự diễn biến”. Những căn bệnh đó luôn rình rập, luôn có khả năng lây lan làm suy yếu Đảng, làm

Đảng mất đi niềm tin và sự ủng hộ của quần chúng nhân dân, do đó, dễ dàng mất chính quyền trước thủ đoạn mị dân và sự tấn công điên cuồng của các lực lượng thù địch.

Dân tộc Việt Nam có truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”. Chúng ta nhớ và luôn luôn nhớ rằng nhờ có Cách mạng Tháng Mười Nga, nhân dân ta đã tìm ra con đường giải phóng; nhờ có chiến thắng của Hồng quân Liên Xô đánh tan chủ nghĩa phát xít, chúng ta đã làm Cách mạng Tháng Tám thành công, lập ra Nhà nước của mình; nhờ có sự giúp đỡ to lớn của Đảng Cộng sản và nhân dân Liên Xô của các đảng cộng sản và nhân dân các nước bầu bạn xa gần, chúng ta đã đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội như hôm nay. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: Càng nhớ lại những ngày tui nhục mất nước, nhớ lại mỗi bước đường đấu tranh cách mạng đầy hy sinh, gian khổ mà cũng đầy thắng lợi vẻ vang thì giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam càng thấm thía công ơn to lớn của Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga ■

TƯ TƯỞNG PH.ĂNGGHEN VỀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN - Ý NGHĨA VỚI VIỆT NAM HIỆN NAY

● GS, TS NGUYỄN QUANG THUẤN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương



Mở đầu

Ph.Ăngghen là người bạn thân thiết và người cộng sự thân tín của

C.Mác. Sau khi C.Mác mất, nhiều bản thảo quan trọng còn dang dở của C.Mác đã được Ph.Ăngghen tập hợp,

hoàn thành và xuất bản. Ông cũng bổ sung nhiều tư tưởng quan trọng vào hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác và hiện thực hóa nhiều tư tưởng vĩ đại của C.Mác khi tham gia các phong trào công nhân quốc tế. Một trong số đó là *tư tưởng về xây dựng chính quyền*. Tư tưởng Ph.Ăngghen về xây dựng chính quyền là một căn cứ lý luận nền tảng của các đảng cộng sản và có giá trị nhận thức luận quan trọng đối với thực tiễn xây dựng chính quyền ở các nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa như Việt Nam.

1. Tư tưởng Ph.Ăngghen về xây dựng chính quyền

Tư tưởng Ph.Ăngghen về xây dựng chính quyền được thể hiện trong những phân tích của Ông về sự xây dựng chính quyền của giai cấp tư sản và sự tất yếu trở thành giai cấp xây dựng chính quyền mới thay thế chính quyền do giai cấp tư sản xây dựng của

giai cấp vô sản¹. Tư tưởng Ph.Ăngghen về xây dựng chính quyền cho thấy sự khác biệt căn bản về chất giữa chính quyền do giai cấp tư sản xây dựng với chính quyền do giai cấp vô sản xây dựng, cho thấy mối liên hệ giữa các hình thức chính quyền trong lịch sử nhân loại, cho thấy giai cấp xây dựng chính quyền mới thay thế chính quyền cũ ra đời từ trong lòng chính quyền cũ như thế nào. Vì thế, nói đến tư tưởng Ph.Ăngghen về xây dựng chính quyền thì trước hết phải nói đến tư tưởng của Ông về sự xây dựng chính quyền của giai cấp tư sản.

Trong khi nghiên cứu và phân tích những mâu thuẫn và cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và giai cấp phong kiến, Ph.Ăngghen chỉ ra rằng, trong cuộc đấu tranh lật đổ sự thống trị của chính quyền giai cấp phong kiến, là chính quyền dựa trên những đặc quyền cá nhân và những đặc quyền cha truyền con nối, thì giai cấp tư sản

Tư tưởng Ph.Ăngghen về xây dựng chính quyền là một căn cứ lý luận nền tảng của các đảng cộng sản và có giá trị nhận thức luận quan trọng đối với thực tiễn xây dựng chính quyền ở các nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa như Việt Nam.

chỉ có một cách là phải tạo ra tiêu chuẩn khác biệt cho chính quyền mới của giai cấp mình so với chính quyền cũ của giai cấp phong kiến nhằm lôi kéo được các giai tầng khác trong xã hội đi theo làm cách mạng. Để tạo ra sự khác biệt, chính quyền mới do giai cấp tư sản xây dựng phải “xóa bỏ mọi sự khác nhau cũ giữa các đẳng cấp hiện tồn tại trong nước, mọi đặc quyền và quyền ưu tiên dựa trên sự chuyên quyền; nó buộc phải đưa nguyên tắc bầu cử làm cơ sở của quyền thống trị tức là thừa nhận trên nguyên tắc quyền bình đẳng, buộc phải giải thoát báo chí khỏi sự ràng buộc của chế độ kiểm duyệt quân chủ, thực hiện chế độ bồi thẩm để tự giải thoát khỏi sự ràng buộc của tầng lớp quan tòa đặc biệt đang hình thành một quốc gia trong một quốc gia”². Theo đó, so với chính quyền của giai cấp phong kiến, rõ ràng, chính quyền mà giai cấp tư sản xây dựng rất cách mạng và dân chủ. Có điều, sự cách mạng và dân chủ đó chỉ dựa trên một tiêu chuẩn duy nhất là “tiền”, hay các nhà kinh điển mácxít còn gọi là “tư bản”, như Ph.Ăngghen chỉ ra: “Giai cấp tư sản mà lực lượng hoàn toàn do tiền

quyết định, không thể tiếp nhận một chính quyền nào khác hơn cái chính quyền làm cho tiền trở thành tiêu chuẩn duy nhất của khả năng hoạt động lập pháp của con người. Mọi đặc quyền phong kiến, mọi quyền lũng đoạn chính trị đã trải qua nhiều thế kỷ phải hợp lại thành một đặc quyền và quyền lũng đoạn to lớn của tiền”³. Đến nay, dù giai cấp tư sản đã có nhiều biến đổi để thích ứng và tồn tại, nhưng tiêu chuẩn tiền và sự đặc quyền của tiền trong chính quyền do giai cấp tư sản xây dựng vẫn giữ nguyên.

Chính việc giai cấp tư sản biến tiền trở thành đặc quyền duy nhất và tiêu chuẩn duy nhất khi xây dựng chính quyền mới thay thế chính quyền phong kiến đã khiến cho giai cấp này từ chỗ là giai cấp cách mạng và tiến bộ nhất trong xã hội đã trở thành giai cấp không còn cách mạng và tiến bộ nữa, khiến cho những giá trị cách mạng và nhân văn nhằm giải phóng con người mà giai cấp này nêu ra trong cuộc đấu tranh lật đổ chính quyền của giai cấp phong kiến thực ra chỉ là cái lớp vỏ bề ngoài. Ph.Ăngghen cũng chỉ ra rằng, khi giai cấp tư sản trở thành giai cấp thống trị

duy nhất trong xã hội và xây dựng chính quyền trên cơ sở đặc quyền của tiền thì đó cũng là lúc giai cấp công nhân mới nhận thức và phân định rõ được “sự khác nhau căn bản giữa chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa dân chủ”, “giữa sự giải phóng giai cấp tư sản và sự giải phóng giai cấp công nhân”, “giữa tự do của *tiền* và tự do của *con người*”⁴; mới thấy được rằng những giá trị cách mạng mà giai cấp tư sản tạo nên trong cuộc đấu tranh chống giai cấp phong kiến như quyền bầu cử, sự bình đẳng trước pháp luật, sự tự do báo chí,... thực chất chỉ dành cho những người có điều kiện tối thiểu về tài sản (hay còn gọi là có một lượng tư bản nhất định) do pháp luật của chính quyền giai cấp tư sản quy định. Khi nhận thức được bản chất của giai cấp tư sản và bản chất của chính quyền mà giai cấp tư sản xây dựng là như thế, giai cấp công nhân mới thấy nó cũng là một giai cấp riêng với những lợi ích và tương lai riêng nên không thể là “công cụ” trong phong trào tự do của giai cấp tư sản nữa, mà phải vươn lên “dẫn đầu và trở thành *phong trào của toàn dân*”⁵. Đó cũng chính là lúc

sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân bắt đầu.

Như C.Mác, Ph.Ăngghen nhiều lần nói đến nhiệm vụ cách mạng vĩ đại mà giai cấp công nhân phải tiến hành để thực hiện sứ mệnh lịch sử của nó, đó là phải giành lấy chính quyền từ tay giai cấp tư sản “làm phương tiện để cải tổ lại xã hội”⁶ và xây dựng một chính quyền mới. Trong chính quyền mới đó, những tư liệu sản xuất sẽ “thoát khỏi tính chất là tư bản trước kia của chúng” trong khi “tính chất xã hội của tư liệu sản xuất” sẽ được hoàn toàn tự do phát triển vì mục tiêu con người được giải phóng một cách toàn diện và có một sự tự do đích thực. Tính chất xã hội của tư liệu sản xuất cùng sự tự do toàn diện và đích thực của con người là tiêu chuẩn xây dựng chính quyền của giai cấp vô sản.

Theo đó, trong chính quyền do giai cấp vô sản xây dựng, “việc quản lý công nghiệp và tất cả các ngành sản xuất nói chung sẽ không còn nằm trong tay của cá nhân riêng lẻ cạnh tranh với nhau nữa. Trái lại, tất cả các ngành sản xuất sẽ do toàn thể xã hội quản lý, tức là sẽ được tiến hành vì lợi ích chung, theo một kế hoạch chung

và với sự tham gia của tất cả mọi thành viên trong xã hội”⁷ và vì thế mà “chế độ tư hữu cũng phải được thủ tiêu và phải được thay bằng việc sử dụng chung tất cả mọi công cụ sản xuất và việc phân phối sản phẩm theo sự thỏa thuận chung, tức là bằng cái mà người ta gọi là sự cộng đồng về tài sản”⁸. Song, Ph.Ăngghen cũng nêu rõ, chế độ tư hữu sẽ không thể bị thủ tiêu ngay lập tức theo bất kỳ mong muốn chủ quan nào, mà đó là kết quả của quá trình phát triển tất yếu về tư liệu sản xuất. Ông viết: “cuộc cách mạng của giai cấp vô sản đang có tất cả những triệu chứng là sắp nổ ra, sẽ chỉ có thể cải tạo xã hội hiện nay một cách dần dần, và chỉ khi nào đã tạo nên được một khối lượng tư liệu sản xuất cần thiết cho việc cải tạo đó thì khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu”⁹. Điều này có ý nghĩa nhận thức luận cực kỳ quan trọng đối với các

nước lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa, đó là việc thực hiện các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội phải trên cơ sở nhận thức và tuân theo các quy luật khách quan chứ không thể hành động một cách tùy tiện, chủ quan duy ý chí được. Trong chính quyền mới do giai cấp vô sản xây dựng, với việc rỗi chế độ tư hữu sẽ bị thủ tiêu là việc nhà nước sẽ mất đi dần dần và tự tiêu vong. Cả hai sự kiện này diễn ra không theo ý muốn chủ quan của bất kỳ cá nhân nào, mà đó là kết quả của một quá trình phát triển tất yếu của lực lượng sản xuất trong xã hội. Tuy nhiên, Ph.Ăngghen cũng chỉ rõ, trong quá trình xây dựng chính quyền mới, nhà nước chưa thể tự tiêu vong ngay được và giai cấp vô sản vẫn cần phải sử dụng nhà nước để quản lý và tổ chức xã hội cho đến khi “một thế hệ lớn lên trong những điều kiện xã hội mới và tự do, có đủ sức vứt bỏ được tất cả cái thứ đồ cũ là nhà nước

Ph.Ăngghen cũng chỉ rõ, trong quá trình xây dựng chính quyền mới, nhà nước chưa thể tự tiêu vong ngay được và giai cấp vô sản vẫn cần phải sử dụng nhà nước để quản lý và tổ chức xã hội cho đến khi “một thế hệ lớn lên trong những điều kiện xã hội mới và tự do, có đủ sức vứt bỏ được tất cả cái thứ đồ cũ là nhà nước kia đi”.

kia đi”¹⁰. Với lại, nhà nước là “cái công cụ duy nhất mà nhờ đó giai cấp vô sản chiến thắng mới có thể sử dụng được cái chính quyền mà mình vừa mới giành được, mới có thể trấn áp được kẻ thù của mình và chủ nghĩa tư bản và mới có thể tiến hành được cuộc cách mạng kinh tế của xã hội”¹¹. Nhưng tất nhiên, nhà nước trong chính quyền mới do giai cấp vô sản xây dựng phải có những sự thay đổi rất quan trọng về chất để có thể thực hiện được các chức năng mới của nó, nhất là ở tính chất dân chủ của nhà nước.

Đặc biệt, Ph.Ăngghen cho rằng, để có thể giành được chính quyền và xây dựng chính quyền mới, giai cấp vô sản không thể thiếu chính đảng dẫn dắt về chính trị. Ông viết: “Chúng ta muốn xóa bỏ giai cấp. Phương tiện để đạt tới mục đích đó là cái gì? - Là sự thống trị chính trị của giai cấp vô sản. Mà khi điều đó trở thành quá rõ ràng thì người ta yêu cầu chúng ta không can dự vào chính trị! Tất cả những người cổ vũ từ bỏ chính trị đều tự xưng là nhà cách mạng, thậm chí nhà cách mạng lỗi lạc. Nhưng cách mạng là hành động chính trị cao nhất: ai muốn cách mạng thì phải thừa

nhận các phương tiện, thừa nhận hoạt động chính trị chuẩn bị cách mạng, giáo dục công nhân làm cách mạng (...) chính đảng công nhân không được theo đuôi chính đảng tư sản này hoặc kia mà phải trở thành một đảng độc lập có mục đích của mình, chính sách của mình”¹². Như vậy, theo tư tưởng của Ph.Ăngghen, có thể thấy, cùng với quyền thống trị về xã hội, quyền thống trị về chính trị đem lại cho giai cấp vô sản khả năng tự mình giải phóng mình và bảo vệ lao động của mình, đưa cuộc đấu tranh giai cấp tiến hành tới cùng, tức là đến chỗ xóa bỏ giai cấp trong xã hội.

Tóm lại, theo tư tưởng Ph.Ăngghen về xây dựng chính quyền, lịch sử nhân loại cho thấy, giai cấp cách mạng và tiến bộ nhất trong xã hội tất yếu sẽ vươn lên dẫn đầu phong trào đấu tranh cách mạng với giai cấp cầm quyền đương thời nhưng đã trở nên lạc hậu, lỗi thời để giành lấy chính quyền và xây dựng một chính quyền mới với những tiêu chuẩn mới phù hợp với lợi ích và yêu cầu của giai cấp mình. Trong lịch sử nhân loại, có nhiều hình thức chính quyền đã được xây dựng bởi các giai cấp khác nhau.

Trong số các chính quyền đó, chỉ có chính quyền do giai cấp vô sản xây dựng mới làm tròn được sự nghiệp giải phóng con người một cách thực sự, chỉ có chính quyền do giai cấp vô sản xây dựng mới giúp cho con người có thể “làm chủ tồn tại xã hội của chính mình thì cũng do đó mà làm chủ tự nhiên, làm chủ cả bản thân mình, trở thành người tự do”¹³ một cách đích thực.

2. Ý nghĩa của tư tưởng Ph.Ăngghen về xây dựng chính quyền với Việt Nam hiện nay

Tư tưởng Ph.Ăngghen về xây dựng chính quyền có ý nghĩa nhận thức luận cực kỳ quan trọng, bởi nó cung cấp những căn cứ lý luận cốt yếu để soi sáng nhiều vấn đề căn bản trong thực tiễn xây dựng chính quyền của một nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa như Việt Nam, cụ thể là ở các vấn đề: chế độ tư hữu, nhà nước và đảng.

Thứ nhất, chế độ tư hữu còn tồn tại lâu dài với những giá trị lịch sử của nó trước khi bị thủ tiêu một cách tất yếu, vậy nên cần có nhận thức và thái độ đúng đắn đối với vấn đề tư hữu trong quá trình xây dựng chính quyền ở các

nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Cả C.Mác và Ph.Ăngghen luôn nhấn mạnh rằng việc xóa bỏ chế độ tư hữu trên thực tế khác với việc xóa bỏ chế độ tư hữu trong tư tưởng. Xóa bỏ chế độ tư hữu về mặt tư tưởng thực ra chỉ là một sự phủ định sạch trơn, một sự phủ định trừu tượng một phần quan trọng trong thế giới văn hóa của lịch sử nhân loại. Kiểu xóa bỏ chế độ tư hữu như thế chỉ kéo lùi lịch sử phát triển của xã hội mà thôi. Việc xóa bỏ chế độ tư hữu trên thực tế chỉ có thể diễn ra khi sự tập trung tư liệu sản xuất đạt đến một giới hạn mà cái vô tư bản chủ nghĩa không còn thích hợp với nó nữa. Với lại, chế độ tư hữu cần phải bị xóa bỏ mà C.Mác và Ph.Ăngghen nói đến là chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa chứ không phải là mọi quyền tư hữu của người lao động đối với tư liệu sản xuất của họ. Vì vậy, giai cấp vô sản cần phải có sự nhận thức và thái độ đúng đắn đối với chế độ tư hữu và quyền tư hữu trong khi xây dựng chính quyền để tránh có những hành động chủ quan, duy ý chí làm tổn hại đến sức sản xuất và sự phát triển của xã hội.

Trong khi quá độ lên chủ nghĩa xã hội một cách gián tiếp, chắc chắn, Việt Nam không thể tránh khỏi việc phải đối diện với nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách về tư hữu chưa được giải đáp thỏa đáng. Trước đây, chúng ta từng có những sai lầm trong nhận thức về chế độ tư hữu và sở hữu tư nhân. Sở hữu tư nhân với tư cách một trong những động lực quan trọng của sự phát triển xã hội một thời gian dài đã không được tạo điều kiện thuận lợi để tồn tại và phát huy những giá trị tích cực của nó đối với sự phát triển của xã hội. Với sự đổi mới tư duy của

Đảng Cộng sản Việt Nam về các loại hình sở hữu và về các thành phần kinh tế, đến nay, sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân không chỉ có một chỗ đứng quan trọng trong xã hội, mà còn đang có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển của đất nước. Nhưng, điều đó không có nghĩa là tất cả những vấn đề về chế độ tư hữu đã

được nhận thức và xử lý một cách toàn diện và hài hòa trong quá trình xây dựng chính quyền ở Việt Nam hiện nay. Trong thực tế, còn có khá nhiều vấn đề về thể chế, hệ thống pháp luật, sự quản lý của Nhà nước,...

liên quan đến sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân ở nước ta còn thiếu và chưa đồng bộ. Nhiều vấn đề lý luận về sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân trong quá trình xây dựng chính quyền ở Việt Nam hiện nay còn cần phải được làm sáng tỏ thêm, như sự phát triển kinh tế tư nhân và vấn đề tha hóa, kinh tế tư nhân và định hướng phát triển xã hội chủ

Với sự đổi mới tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam về các loại hình sở hữu và về các thành phần kinh tế, đến nay, sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân không chỉ có một chỗ đứng quan trọng trong xã hội, mà còn đang có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển của đất nước.

nghĩa của đất nước, v.v..

Thứ hai, nhà nước còn tồn tại lâu dài trước khi tự tiêu vong và là công cụ hữu hiệu để quản lý và tổ chức xã hội theo kiểu mới cũng như để tiến hành các cuộc cách mạng kinh tế của xã hội, vậy nên cần không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng của nhà nước trong quá trình xây dựng chính quyền

ở các nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Cũng như đối với chế độ tư hữu, cả C.Mác và Ph.Ăngghen đều khẳng định rằng nhà nước có những giá trị và vai trò lâu dài trong lịch sử nhân loại cho đến khi nó tự tiêu vong, chứ không phải là cần trừ bỏ nhà nước vì nó là cái ác chủ yếu như tư tưởng vô chính phủ chủ nghĩa của những thành phần vô chính phủ. Bởi lẽ, xây dựng chính quyền mới mà không có nhà nước thì giai cấp vô sản sẽ không có công cụ để thực hiện quyền lực, trấn áp kẻ thù, quản lý và tổ chức xã hội cũng như thực hiện các cuộc cách mạng kinh tế của xã hội. Tuy nhiên, để nhà nước thực hiện được những chức năng mới đó thì giai cấp vô sản phải tiến hành cải biến nhà nước theo lợi ích và yêu cầu của mình, nhất là ở vấn đề bản chất của nhà nước. Bản chất đó phải khác biệt căn bản với bản chất của nhà nước trong chính quyền do giai cấp tư sản xây dựng. Theo tư tưởng của Ph.Ăngghen về xây dựng chính quyền, có một điều mà chúng ta cần nhận thức rõ, đó là các hình thức chính quyền đã xuất hiện trong lịch sử nhân loại cho đến nay có mối

liên hệ biện chứng với nhau. Thế nên, việc giai cấp vô sản tiếp nhận, kế thừa và cải biến trình độ phát triển của nhà nước mà nhân loại đã đạt được trong chính quyền do giai cấp tư sản xây dựng là có tính lịch sử và tất yếu.

Trong quá trình xây dựng chính quyền ở Việt Nam hiện nay, việc cải thiện và nâng cao chất lượng của Nhà nước vẫn luôn được xác định là một trong những điều quan trọng hàng đầu. Tuy nhiên, kết quả đạt được cho đến nay vẫn chưa được như chủ trương và kỳ vọng của Đảng, của Nhà nước và của nhân dân. Do vậy, việc học hỏi những kinh nghiệm thành công của nhà nước trong các chính quyền do giai cấp tư sản xây dựng là điều hết sức cần thiết để có thể ngày càng phát triển và hoàn thiện Nhà nước Việt Nam.

Thứ ba, đảng chính trị có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng chính quyền, vậy nên cần không ngừng xây dựng và phát triển chính đảng của giai cấp công nhân trong quá trình xây dựng chính quyền ở các nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Ph.Ăngghen từng nêu rõ, mọi mưu toan cổ vũ, kích động giai cấp công

nhân từ bỏ chính trị là đẩy giai cấp công nhân rơi vào vòng tay của chính trị tư sản. Đây là vấn đề có ý nghĩa nhận thức luận cực kỳ quan trọng trong quá trình giai cấp vô sản đấu tranh giành chính quyền và xây dựng chính quyền mới. Không có chính đảng của giai cấp mình với những mục đích và chính sách riêng dẫn dắt thì giai cấp vô sản không thể thực hiện được các nhiệm vụ cách mạng của mình cũng như không thể hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình là xây dựng thành công một chính quyền mới mà ở đó con người được giải phóng hoàn toàn và có sự tự do đích thực. Không có chính đảng của giai cấp mình với những mục đích và chính sách riêng dẫn dắt thì giai cấp vô sản sẽ lại chỉ là một “công cụ” trong phong trào tự do chủ nghĩa của giai cấp tư sản như trước đây.

Ý thức rõ về vị trí và vai trò của chính đảng trong quá trình xây dựng chính quyền ở một nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn chú trọng công tác xây dựng và phát triển Đảng ngày càng khoa học, trong sạch và vững mạnh. Tuy nhiên, trong bối

cảnh phát triển của đất nước hiện nay đang có tình trạng tính chính trị của giai cấp vô sản bị tấn công, bị làm lu mờ và bị suy thoái khá nghiêm trọng. Đây thực sự là một vấn đề cực kỳ cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay. Đảng đã có những nghị quyết đề cập rất sâu sắc về vấn đề này, bàn kỹ về nguyên nhân và giải pháp của vấn đề. Song, chúng ta cần xác định rõ rằng một vài nghị quyết, một vài phong trào trong Đảng, một vài sự kỷ luật nghiêm khắc,... không thể giải quyết được một cách triệt để vấn đề này, mà đây sẽ là một vấn đề trường kỳ đến chừng nào giai cấp vô sản hoàn thành được công cuộc xây dựng chính quyền mới.

Kết luận

Tự trung, tự tưởng Ph.Ăngghen về xây dựng chính quyền là một nội dung quan trọng trong hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Tự tưởng đó chỉ rõ những việc cốt yếu mà giai cấp vô sản hiện đại cần phải thực hiện để có thể xây dựng thành công một chính quyền mà ở đó con người được giải phóng một cách toàn diện và có được sự tự do đích thực. Chính sự tham gia tích cực của Ph.Ăngghen trong phong trào công

nhân quốc tế đã cung cấp những dữ kiện thực tế giúp cho tư tưởng của ông về xây dựng chính quyền có một sức sống đặc biệt cùng những giá trị về nhận thức luận to lớn đối với các quốc gia lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa như Việt Nam.

Và tất nhiên, như đối với hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, việc vận dụng tư tưởng Ph.Ăngghen về xây dựng chính quyền vào điều kiện Việt Nam luôn cần phải có những sự bổ sung và sáng tạo cho phù hợp với thực tiễn đất nước ■

¹ Giai cấp vô sản được Ph.Ăngghen đề cập trong tương quan với giai cấp tư sản là giai cấp vô sản hiện đại, tức là giai cấp công nhân, giai cấp không có của, “hoàn toàn chỉ kiếm sống bằng việc bán lao động của mình, chứ không phải sống bằng lợi nhuận của bất cứ số tư bản nào, đó là một giai cấp mà hạnh phúc và đau khổ, sống và chết, toàn bộ sự sống còn của họ đều phụ thuộc vào số câu về lao động, tức là vào tình hình chuyển biến tốt hay xấu của công việc làm ăn, vào những sự biến động của cuộc cạnh tranh không gì ngăn cản nổi. Nói tóm lại, giai cấp vô sản hay giai cấp những người vô sản là giai cấp lao động trong thế kỷ XIX” (trích trong Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản).

^{2, 3, 4, 5} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.772, 772, 773, 773.

^{6, 10} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.22, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.651, 291.

^{7, 8, 9} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.467, 467, 469.

^{11, 13} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.19, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội, tr.513-514, 333.

¹² C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.17, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội, 1994, tr.551-552.



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

PHẢI CHĂNG, TỪ ĐẠI HỘI XIII TRỞ ĐI KHÔNG NÊN NÓI ĐẾN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI NỮA?

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Nhận thức rõ đặc điểm và xu hướng phát triển của thời đại cũng như cục diện và tình hình thế giới là một công việc rất cần thiết. Mỗi quốc gia, dân tộc cần biết mình đang sống trong thời đại gì và bối cảnh thế giới nào, với những tính chất, đặc điểm, nội dung và xu thế phát triển ra sao. Hiểu biết sâu sắc về thời đại giúp ta tìm thấy xu hướng tất yếu trong vô vàn những hiện tượng phức tạp, mang tính ngẫu nhiên của đời sống xã hội, giúp ta nhìn xa trông rộng, nắm bắt khuynh hướng và quy luật phát triển của nhân loại để vừa có thể lựa chọn được

hướng đi phù hợp với sự phát triển của lịch sử; lường trước được những thách đố phức tạp, tránh được những vấp vấp sai lệch trên đường đi; từ đó sẽ không bị chao đảo hoặc bị cuốn trôi trước phong ba bão táp của đời sống chính trị quốc tế. V.I.Lênin đã từng chỉ rõ: Khi phân tích bất cứ vấn đề xã hội nào phải đặt trong bối cảnh lịch sử nhất định, vì chỉ có dựa trên cơ sở hiểu biết những đặc điểm cơ bản của một thời đại, người ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước khác. Nói cách khác, vấn đề thời đại là căn cứ khách quan và tiền đề cần thiết để các chính đảng

đi theo chủ nghĩa Mác phân tích tình hình, xác định nhiệm vụ, phân chia trận tuyến, xây dựng chiến lược, hoạch định chính sách, triển khai thực hiện một cách khoa học. Chính vì lẽ đó, khi bàn về những vấn đề lớn của cách mạng, trước đây cũng như bây giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta bao giờ cũng bắt đầu bằng việc phân tích đặc điểm, nội dung, xu thế phát triển của thời đại và nhận định các mặt của tình hình thế giới để xác định đúng con đường đi của cách mạng Việt Nam và đề ra đường lối đối nội, đối ngoại đúng đắn, sáng tạo.

Cả trên phương diện lý luận và thực tiễn là như vậy nhưng hiện nay trước Đại hội XIII của Đảng, một số luận điệu sai trái cho rằng: Thật không tưởng khi nói thời đại ngày nay là quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vậy nên từ Đại hội XIII trở đi, không nên nói đến chủ nghĩa xã hội nữa. Cụ thể hơn, họ cho rằng làm gì có thời đại quá độ; nội hàm, đặc điểm, xu thế của thời đại là sự mơ hồ; hai nội dung cốt yếu của thời đại đã bị lịch sử phủ định. Bởi thế, khi không còn Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa nữa thì nước ta làm sao có thể đi lên chủ nghĩa xã

hội được. Để có những cơ sở vững chắc cho việc nhận thức về thời đại ngày nay và phản bác những quan điểm sai trái đó, có thể dựa trên những luận cứ xác thực sau:

I. Luận cứ về nhận thức thời đại

1. Nhận thức rõ khái niệm về thời đại

1.1. Khái niệm về thời đại

Trong sách báo, trên các phương tiện thông tin đại chúng, hai chữ “thời đại” được dùng khá phổ biến. Với ý nghĩa thông thường nó thường được đồng nhất với các khái niệm “giai đoạn”, “thời kỳ”... Trong các lĩnh vực khoa học khác nhau, “thời đại” cũng được dùng để chỉ các giai đoạn, thời kỳ khác nhau trong lĩnh vực đó. Trong các tác phẩm về lịch sử và kinh tế, thường thấy các khái niệm như “thời đại đồ đá”, “thời đại đồ đồng”, “thời đại đồ sắt”, “thời đại hơi nước”, “thời đại kinh tế hái lượm và săn bắt”, “thời đại kinh tế nông nghiệp”, “thời đại kinh tế công nghiệp”, “thời đại kinh tế tri thức”... Khái niệm thời đại còn được sử dụng trong các cụm từ như: thời đại phong kiến, thời đại giai cấp tư sản, thời đại chủ nghĩa đế quốc, thời đại cách mạng vô sản...

Trong quân sự, thời đại lại được sử dụng để mô tả các thời kỳ quân sự khác nhau, như: thời đại binh khí lạnh, thời đại binh khí nóng, thời đại hạt nhân v.v..

Thực ra, “thời đại” là một khái niệm rất linh hoạt. Cách diễn đạt tương ứng trong tiếng Anh là “Epoch”, vừa chỉ một khoảng thời gian có đặc trưng nhất định, vừa chỉ thời điểm có một vài đặc điểm nổi bật. Từ điển tiếng Anh đương đại Longman xuất bản năm 1987 xác định: “Thời đại là một thời kỳ lâu dài của trái đất hay lịch sử xã hội loài người”.

Trong tiếng Hán, định nghĩa “thời đại” lại nghiêng về nhấn mạnh tính tiếp tục của thời gian. Ví dụ: “Từ điển Hán ngữ hiện đại” (bản bổ sung năm 2002) quy nạp hàm ý của thời đại thành hai loại: (1) chỉ một thời kỳ trong lịch sử được phân chia dựa theo tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa...; (2) chỉ một thời kỳ trong cuộc đời một con người.

Theo *Từ điển Bách Khoa Việt Nam*, thời đại là “thời kỳ lịch sử tương đối dài với xu thế và nội dung phát triển riêng biệt xét về mặt phát triển kinh tế xã hội hoặc về mặt văn hóa, coi như

là một chặng đường không lặp lại trên quá trình tiến bộ xã hội”. Thời đại lịch sử có thể là toàn bộ thời kỳ phát triển của một hình thái kinh tế - xã hội hoặc những giai đoạn chủ yếu trong hình thái ấy.

Từ điển Tiếng Việt lại xác định: thời đại là “khoảng thời gian lịch sử dài được phân chia ra theo những sự kiện có đặc trưng giống nhau”. Theo định nghĩa này, khái niệm thời đại có tiêu chí “thời gian lịch sử dài” và “những sự kiện có đặc trưng giống nhau”. Nhưng định nghĩa đó cũng chưa thật rõ ràng vì bao nhiêu thời gian thì được coi là dài và sự kiện có đặc trưng giống nhau có phải là những công cụ đặc trưng về phát triển lực lượng sản xuất ứng với mỗi thời đại không? Ngoài ra thuật ngữ “thời đại” còn dùng để nói lên một đặc trưng nổi bật của sự phát triển trong một thời gian nhất định của lịch sử, tất nhiên là không ngắn hạn: thời đại đế quốc chủ nghĩa, thời đại cách mạng vô sản, thời đại khoa học kỹ thuật, thời đại toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế,...

Từ những cách thể hiện như trên, có thể hiểu thời đại theo nghĩa rộng và

theo nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng, thời đại là khái niệm về thời gian để chỉ sự phân kỳ lịch sử xã hội và để phân biệt những nấc thang phát triển xã hội mà theo đó nấc thang cao hơn, tiến bộ hơn phủ định nấc thang cũ, lạc hậu để mở đường cho sự phát triển một thời đại mới. Còn thời đại theo nghĩa hẹp là khái niệm về thời gian để chỉ xu thế và nội dung phát triển riêng biệt xét trên phương diện kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, công nghệ...

1.2. Quan điểm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế về thời đại

Trong Tuyên bố tại Hội nghị đại biểu tại Matxcova năm 1957 và năm 1960, các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa đã đưa ra quan niệm về thời đại ngày nay, thể hiện bước phát triển mới trong quá trình nhận thức về nội dung, tính chất của thời đại.

Nội dung cơ bản của thời đại chúng ta là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại ở nước Nga. (Tuyên bố tại Hội nghị đại biểu các Đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa tháng

11-1957).

Thời đại chúng ta mà nội dung chủ yếu là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, là thời đại đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập, là thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc, là thời đại chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ và hệ thống thuộc địa bị thủ tiêu, là thời đại ngày càng có thêm nhiều dân tộc tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, là thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới,... Đặc điểm chủ yếu của thời đại chúng ta là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới trở thành nhân tố quyết định sự phát triển xã hội loài người. (Nhận định tại Hội nghị đại biểu các Đảng cộng sản và công nhân thế giới, tháng 1 năm 1960)

Thực tế cho thấy, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi và Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên ra đời năm 1917 đã đánh dấu chấm hết thời đại độc tôn của chủ nghĩa tư bản, mở ra thời đại mới, thời đại của sự quá độ lớn lao nhất trong lịch sử loài người, tiến tới một xã hội hiện thực không còn người bóc lột người, không còn



Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi và Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên ra đời năm 1917 mở ra thời đại mới _ Ảnh: TL

nô dịch giữa người và người. Chế độ xã hội chủ nghĩa non trẻ đã vượt qua hàng loạt thử thách khắc nghiệt nhất của lịch sử, hiện diện cả ở châu Âu, châu Á, châu Mỹ, phát triển mạnh mẽ với nhiều ưu việt kinh tế - xã hội.

1.3. Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về thời đại

Đảng ta luôn xác định nhận thức rõ bản chất, nội dung của thời đại cũng như cục diện và tình hình thế

giới là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Trong khi khẳng định thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta nhận rõ tình hình phức tạp, quanh co và rất lâu dài của quá trình chuyển biến xã hội nên đã hướng vào đánh giá trực tiếp những động thái, đặc trưng, xu hướng và tính chất trong giai đoạn hiện nay của thời đại. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng năm 1991 đã nêu rõ: “Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co, song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử”¹. Tiếp đó, “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)” lại nêu rõ: “Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với các chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”².

II. Luận cứ về đặc điểm giai đoạn hiện nay của thời đại

Xem xét trên cơ sở lý luận và thực tiễn lịch sử xã hội loài người đều cho thấy mỗi bước chuyển từ một hình thái kinh tế - xã hội này đến hình thái cao hơn đều diễn biến trong thời gian rất dài, có khi vài trăm năm hoặc vài nghìn năm. Vậy nên việc Đảng ta phân định *giai đoạn hiện nay của thời đại* “quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới” là tư duy sáng tạo, có tính khoa học xác thực và cần thiết. Vậy nên việc nghiên cứu đặc điểm và xu hướng phát triển của thời đại cũng được thực hiện trong khung khổ giai đoạn hiện nay của thời đại.

2.1. Các mâu thuẫn cơ bản trong giai đoạn hiện nay của thời đại

Sự vận động không ngừng của thế giới đương đại và giai đoạn hiện nay của thời đại với những diễn biến phức tạp và hàm chứa nhiều mâu thuẫn. Những mâu thuẫn cơ bản nổi bật hiện nay là:

Thứ nhất, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản diễn ra gay gắt. Đây là cách diễn đạt mới vì trước đây thường nói mâu thuẫn

giữa “phe xã hội chủ nghĩa và phe đế quốc chủ nghĩa”. Sờ dĩ có cách diễn đạt mới này không chỉ vì không còn hai phe như trước, mà còn vì cách đề cập trước đây chỉ bó hẹp trong phạm vi mâu thuẫn giữa hai phe, chưa bao quát được cuộc chiến tranh giữa hai chiều hướng phát triển ngay trong lòng mỗi quốc gia cũng như trên phạm vi toàn thế giới. Đây là mâu thuẫn cơ bản nhất, bởi sự vận động của mâu thuẫn này sẽ tác động nhiều mặt đến các mâu thuẫn khác.

Thứ hai, mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng xã hội với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc. Chính từ mâu thuẫn này đã dẫn tới mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân rộng rãi với giai cấp tư sản, giữa các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản tiếp tục phát triển. Hai mâu thuẫn này phản ánh chân thực, mô tả khách quan bức tranh toàn cảnh ở các nước tư bản phát triển khi nhiều tầng lớp nhân dân tham gia đấu tranh vì dân sinh, dân chủ; các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc

gia, các trung tâm tư bản lớn luôn giành giật nhau gay gắt, nhiều khi gây ra các xung đột, chiến tranh kinh tế, thương mại khốc liệt.

Thứ ba, mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển. Các nước tư bản phát triển thống nhất với nhau về bản chất chế độ và lợi ích giai cấp nhưng giữa các nước đó cũng có những mâu thuẫn khó khoan nhượng về lợi ích quốc gia, lợi ích của mỗi tập đoàn tư bản. Các nước tư bản phát triển đang bị cuốn vào cuộc cạnh tranh sống còn nhằm chiếm đoạt tài nguyên, năng lượng, nhân lực chất lượng cao và chiếm lĩnh các thị trường béo bở trên khắp các châu lục, khai thác mọi tiềm năng của các nước khác để tích lũy và xuất khẩu tư bản, gia tăng nhiều tối đa trên quy mô toàn cầu.

Thứ tư, mâu thuẫn giữa các thế lực cường quyền, hiếu chiến muốn thống trị thế giới với với nhân dân thế giới đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, công bằng, dân chủ và tiến bộ xã hội. Thế giới đang diễn ra quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, xâm nhập và chuyển hóa lẫn nhau vô cùng phức tạp để thiết lập một trật tự thế giới mới. Trong bối cảnh đó, các thế

lực hiệu chiến, cường quyền luôn thực hiện các chính sách áp đặt, gây ra các xung đột cục bộ, xung đột khu vực, xung đột biên giới, biển đảo. Mâu thuẫn giữa các nước lớn cũng thường được giải quyết thông qua các cuộc chiến tranh “mượn tay người” ở các điểm nóng; các cuộc chiến giành giật tài nguyên, chiến tranh thương mại. Tình hình đó làm cho nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới hết sức lo lắng và đề cao cảnh giác.

Thứ năm, mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển của loài người càng tăng với tình trạng tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt. Sự gia tăng dân số và phát triển kinh tế - xã hội luôn có mối quan hệ khăng khít với môi trường và điều kiện thiên nhiên. Tài nguyên thiên nhiên và môi trường là cơ sở và nhân tố quan trọng cho sự phát triển. Nếu biết sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên và các yếu tố địa lợi, kinh tế - xã hội sẽ tăng trưởng mạnh mẽ và phát triển bền vững. Vậy nhưng hiện nay vấn đề sử dụng quá mức và thiếu trách nhiệm đã gây ra vấn nạn cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng.

2.2. Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh

Thế giới hiện nay là thế giới toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế; là cả một không gian mở, đan xen lợi ích, tùy thuộc lẫn nhau. Một khi khủng hoảng kinh tế ở một khu vực hoặc một nước lớn kéo theo khủng hoảng toàn cầu; một khi giá dầu mỏ lên xuống thất thường và đột biến đủ làm cho kinh tế thế giới bị ảnh hưởng. Nhìn vấn đề toàn cầu, nhất là một số vấn đề an ninh phi truyền thống buộc cả cộng đồng quốc tế phải chung tay giải quyết. Sự biến đổi khí hậu khác thường, thiên tai nghiệt ngã đang diễn ra rất đáng lo ngại. Sự phát triển không thể ngăn cản của các loại vũ khí giết người khủng khiếp cũng là yếu tố làm cho bất kỳ giới cầm quyền nào, cho dù là nước xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa cũng phải tính toán kỹ vấn đề chiến tranh hay hòa bình. Như vậy, cùng với việc đổi mới nhận thức của toàn nhân loại, đặc biệt là của giới lãnh đạo các nước về trách nhiệm chung đối với sự phát triển thế giới, những nhân tố khách quan nêu trên vừa thúc đẩy, đòi hỏi, vừa tạo điều kiện cho việc cùng

tồn tại và hợp tác cùng phát triển đối với tất cả các nước.

Trong khi nhận rõ sự hợp tác giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản hiện nay là khá toàn diện, thì không thể quên rằng những mâu thuẫn giữa hai chiều hướng phát triển này vẫn chứa đựng mâu thuẫn vốn có. Các thế lực hiếu chiến và thù địch chưa bao giờ từ bỏ dã tâm muốn xóa sổ chủ nghĩa xã hội. “Diễn biến hòa bình” là một trong những chiến lược tổng thể của chủ nghĩa đế quốc nhằm thực hiện mục tiêu đó. Đây là cuộc chiến tranh không khói súng nhưng thực sự là kế sách nham hiểm phá vỡ thành lũy của chủ nghĩa xã hội từ bên trong, là chiến thuật “mối xây nhà” nhằm làm thoái hóa về tư tưởng, mục ruỗng cơ cấu kinh tế - chính trị - xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa. Tất cả những thủ đoạn mà các thế lực đế quốc đã và đang sử dụng đối với các nước xã hội chủ nghĩa, cũng như đối với giai cấp những người lao động trên toàn thế giới cho thấy, cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay không kém phần gay gắt, quyết liệt và phức tạp. Bởi vậy, trong điều kiện mở cửa, hội nhập với thế giới, thu hút vốn đầu tư, công nghệ và

hợp tác giao lưu với các nước tư bản, các nước xã hội chủ nghĩa phải luôn kiên định bảo vệ nền tảng tư tưởng và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, hợp tác cùng phát triển nhưng luôn cảnh giác và sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc và mục tiêu lý tưởng của mình.

2.3. Các vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống ngày càng nghiêm trọng

Ngày nay tất cả các quốc gia trên thế giới đều chịu tác động của vấn đề toàn cầu như khủng bố quốc tế, tội phạm xuyên quốc gia, phổ biến vũ khí hủy diệt, thảm họa thiên tai, thảm họa môi trường sinh thái, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh mạng, nghèo đói và dịch bệnh. Cả thế giới đã chứng kiến đại dịch Covid-19, trở thành thảm họa toàn cầu khiến hàng triệu người mắc bệnh, hàng trăm ngàn người chết, khiến tâm trạng xã hội rối loạn, kinh tế toàn cầu khủng hoảng, hoạt động xã hội ngưng trệ, đảo lộn. Trong những vấn đề gay gắt và là những thách thức to lớn đó, cạn kiệt tài nguyên, nhất là năng lượng và nguồn nước đang là vấn đề nổi trội, tác động tới an ninh và phát triển của

nhiều nước, nhiều khu vực. Nhu cầu về tài nguyên của các nền kinh tế, đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi và các nền kinh tế của các nước đang phát triển sẽ tăng vọt dẫn tới việc cạnh tranh các nguồn tài nguyên vốn đã gay gắt sẽ trở nên nghiêm trọng hơn.

Cùng với những vấn đề đe dọa an ninh toàn cầu nêu trên, an ninh biển cũng đang nổi lên trong thời gian tới. An ninh biển không chỉ liên quan đến an toàn các tuyến đường hàng hải mà ngày càng mở rộng ra các khía cạnh khác như an ninh môi trường biển, các nguồn lợi hải sản. Do tác động của việc gia tăng các tranh chấp biển, đảo và các chuyển biến của an ninh phi truyền thống khác, an ninh biển sẽ trở thành một trong những vấn đề chi phối quan hệ giữa nhiều nước.

Trong một bài phát biểu của mình, nguyên Tổng Thư ký Liên hợp quốc Bakimun đã nhận xét: “chân trời có vẻ tối đi”. Thế giới đang ở trong thời kỳ có nhiều xáo động. Chủ nghĩa dân tộc nổi lên rất mạnh, chủ nghĩa phân hóa cũng đang phát triển và những tư tưởng cũng như hành vi cường quyền, cực đoan đang trở dậy. Trong khi các cuộc “Cách mạng màu” đã làm tan hoang

một số nước tại Trung Đông, Bắc Phi; thì chủ nghĩa dân tộc cực đoan, khủng bố quốc tế chưa bao giờ phức tạp như bây giờ. Chủ nghĩa khủng bố, điển hình là IS vẫn đang duy trì hoạt động tại Irắc, Xyri và ở một số nước khác, đã không chỉ gây ra những bất ổn và biến động chính trị, quốc phòng, an ninh tại nhiều nước mà còn lôi cuốn nhiều quốc gia trong và ngoài khu vực vào “chảo lửa” này. Nguy hiểm hơn, các tổ chức khủng bố đang mở rộng địa bàn hoạt động sang châu Âu, châu Á gây mất an ninh, an toàn xã hội. Những vụ tấn công nhằm vào Pháp, Bỉ, Anh, Nga, lan sang một số nước Đông Nam Á như Philippin, Indonexia cho thấy tất cả những điều đó không thể giải quyết trong một sớm, một chiều, mà sẽ kéo dài, vô cùng phức tạp.

III. Luận cứ về xu thế phát triển trong giai đoạn hiện nay của thời đại

Trong giai đoạn hiện nay của thời đại, thế giới đang đứng trước các xu thế nổi bật tác động đến chiều hướng phát triển toàn nhân loại và chi phối trực tiếp đến tất cả các nước.

3.1. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục phát triển cả về trình độ và tính chất

Toàn cầu hóa, xét về bản chất, là quá trình gia tăng và lan tỏa những mối liên hệ ảnh hưởng, tác động lẫn nhau, phụ thuộc vào nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên toàn thế giới. Toàn cầu hóa là xu thế và kết quả tất yếu của quá trình phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, thúc đẩy quá trình mở rộng quan hệ nhiều mặt ra khỏi phạm vi quốc gia, tăng cường mối liên hệ, hợp tác cùng có lợi. Các nước vừa có cơ hội, vừa không thể cưỡng lại sức lôi cuốn của quá trình toàn cầu hóa.

Toàn cầu hóa trở thành quá trình tất yếu không ngừng phát triển, kéo theo cả thế giới vào cuộc chơi hội nhập cùng phát triển, hợp tác và đấu tranh vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Hội nhập quốc tế hiện nay cũng trở thành một lẽ đương nhiên mà không nước nào có thể bỏ qua được. Hội nhập quốc tế là tiến trình mỗi quốc gia theo đuổi lợi ích, mục tiêu của mình

thông qua việc tự giác hợp tác liên kết với các quốc gia khác và các tổ chức quốc tế trên nhiều lĩnh vực (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng...) dựa trên sự chia sẻ về nhận thức, lợi ích, giá trị, nguồn lực, quyền lực và chủ động chấp nhận,

Toàn cầu hóa trở thành quá trình tất yếu không ngừng phát triển, kéo theo cả thế giới vào cuộc chơi hội nhập cùng phát triển, hợp tác và đấu tranh vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Hội nhập quốc tế hiện nay cũng trở thành một lẽ đương nhiên mà không nước nào có thể bỏ qua được.

tiếp thu tham gia xây dựng các luật chơi chung, chuẩn mực chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế. Quá trình hội nhập quốc tế bắt đầu từ thập niên 50 của thế kỷ trước và bùng nổ từ thập niên 1990 đến nay. Hàng loạt các tổ chức khu vực đã ra đời như việc hội nhập toàn diện của Liên minh châu Âu (EU) đã đạt đến mức độ cao, biến tổ

chức này trở thành một thực thể mạnh siêu quốc gia. Các nước trong Cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) cũng đang mở rộng và làm sâu sắc tiến trình hội nhập khu vực một cách toàn diện hơn dựa trên ba trụ cột: Cộng đồng chính trị - an

ninh, Cộng đồng kinh tế và Cộng đồng văn hóa xã hội; Ở cấp độ toàn cầu, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên hợp quốc và các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc đã ra đời, ngày càng phát triển với số lượng thành viên bao quát hầu hết các nước trên thế giới.

3.2. Xu thế phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ

Thế giới đang chứng kiến chưa bao giờ cách mạng khoa học - công nghệ lại phát triển mạnh mẽ như hiện nay. Cách mạng khoa học - công nghệ chính là sự thay đổi căn bản trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ cũng như mối quan hệ và chức năng kinh tế, xã hội của chúng, tác động lớn đến cơ cấu và động thái phát triển của sản xuất xã hội. Quan trọng nhất của cách mạng khoa học - công nghệ là nổi lên vai trò hàng đầu của yếu tố con người trong hệ thống lực lượng sản xuất dựa trên việc vận dụng đồng bộ và hữu hiệu các ngành công nghệ có hàm lượng trí tuệ cao. Cách mạng khoa học - công nghệ làm biến đổi tận gốc lực lượng sản xuất xã hội, thực hiện vai trò dẫn đường và kết nối trong toàn bộ chu trình công nghệ - sản xuất

- con người - xã hội - môi trường.

Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra rất mạnh mẽ, trở thành một trong những xu thế phát triển mới của đời sống nhân loại trong giai đoạn hiện nay của thời đại. Đặc trưng của cuộc cách mạng này là sự hợp nhất, không ranh giới giữa các lĩnh vực công nghệ, vật lý, kỹ thuật và sinh học. Đó là xu hướng kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực, vạn vật kết nối. Cuộc cách mạng này làm cho thế giới “phẳng” hơn, thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế có những bước tiến mới mạnh mẽ hơn, làm cho các nước có cơ hội mới và cũng đứng trước những thách thức mới. Với tốc độ phát triển cao, thay đổi nhanh chóng và sự kết hợp nhiều công nghệ khác nhau, loài người đứng trước sự thay đổi lớn và khả năng phát triển chưa từng có.

3.3. Xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển

Thế kỷ XX đã xảy ra 2 cuộc chiến tranh thế giới mà hậu quả vô cùng thảm khốc. Còn hiện nay, nếu chiến tranh thế giới, chiến tranh giữa các nước lớn xảy ra sẽ dẫn tới nguy cơ phá vỡ toàn bộ hạ tầng kinh tế của

hiều nước và nếu trở thành cuộc chiến tranh hạt nhân thì tất cả sẽ bị hủy diệt. Vậy nên hòa bình và ổn định là nhu cầu và khát vọng của toàn nhân loại. Phải có hòa bình mới có hợp tác, phát triển và ngược lại, nếu thế giới bình yên, hợp tác và phát triển được đẩy mạnh sẽ củng cố được hòa bình của thế giới. Chính sự hợp tác, hội nhập quốc tế, tùy thuộc lẫn nhau, đan xen lợi ích giữa các quốc gia khiến mọi bất ổn, biến động sẽ được giải quyết một cách thỏa đáng.

Hòa bình, hợp tác và phát triển đã và đang là một trong những xu thế khách quan, hết sức quan trọng và tối cần thiết trong quan hệ quốc tế hiện nay nhưng đang đứng trước nhiều thách thức. Đây là xu thế và là ước mong của toàn nhân loại, bởi xu thế là vậy nhưng trên thực tế, ở nhiều nơi trên thế giới chưa có hòa bình, bởi vẫn có bạo lực, cường quyền áp đặt thay cho hợp tác và vẫn có những nguy cơ kiểm chế sự phát triển.

IV. Những luận cứ về nội dung thời đại

Khi đã xác định thời đại ngày nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng

Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại ở nước Nga, thì rõ ràng nội dung của thời đại ngày nay có hai vấn đề chính: *Một là*, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; *Hai là*, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại ở nước Nga. Nhận định về nội dung thời đại như vậy là sự khái quát mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc, đầy tính thuyết phục.

Tuy nhiên, sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, các thế lực thù địch lợi dụng sự kiện này để công kích, xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, bài bác những luận điểm cơ bản nhất về thời đại. Luận điệu của họ không có gì mới mẻ nhưng cách diễn đạt khác đi. Những luận cứ đấu tranh chống các luận điệu này cần được làm rõ.

4.1. Về vấn đề thứ nhất của nội dung thời đại

Lập luận của luận điệu sai trái là, nếu nói thời đại hiện nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, thì nay chủ nghĩa xã hội sụp đổ rồi, thời đại này đương nhiên là của chủ nghĩa tư bản; rằng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa công sản đã

tàn lụi thì dù có trăm năm sau cũng không thể gượng dậy được nữa.

Cách nhìn nhận của họ rõ ràng là thiếu kiến thức lịch sử và rất thiếu cận. Quá trình chuyển biến và thay thế một thời đại này bằng thời đại khác không thể diễn ra nhanh chóng được, mà phải qua một chặng đường dài. Quá trình đó là một xu thế tất yếu của xã hội loài người, nhưng diễn ra quanh co, phức tạp chứa đựng nhiều biến cố, có cả bước tiến mạnh mẽ và cũng có cả những bước tụt lùi. Sự đổ vỡ của xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô đương nhiên là tổn thất nặng nề đối với phong trào cộng sản. Đồng thời ai cũng biết rằng, sự sụp đổ ấy có nhiều nguyên nhân, nhưng nó không thuộc về bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, càng không phải vì thế mà làm mất đi nội dung thời đại. Lịch sử đã cho thấy thời đại tư bản chủ nghĩa thay thế thời đại phong kiến đâu phải dễ dàng. Quá trình chuyển biến đó diễn ra hàng mấy trăm năm, trải qua biết bao phức tạp bởi sự chống trả quyết liệt của các thế lực phong kiến. Tình hình hiện nay cũng tương tự như vậy. Thế lực đế quốc không từ một thủ đoạn nào để mưu toan chặn

đứng phong trào cộng sản. Điều đó càng thể hiện tính chất phức tạp của thời đại ngày nay.

4.2. Về vấn đề thứ hai của nội dung thời đại

Kẻ thù tư tưởng của chúng ta công khai tuyên bố rằng, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã sụp đổ thì giá trị của Cách mạng Tháng Mười Nga cũng chấm hết.

Đây đúng là kết luận vội vã và hồ đồ. Đành rằng thành quả mà Cách mạng Tháng Mười Nga đem lại đã bị đổ vỡ tại ngay quê hương của nó, nhưng đó quyết không phải là sự chấm dứt lý tưởng cao đẹp của Cách mạng Tháng Mười Nga. Vả chăng, lịch sử đã tỏ rõ, không có một cuộc cách mạng nào, kể cả các cuộc cách mạng vĩ đại nhất, lại đủ khả năng kết thúc ngay công việc xóa bỏ xã hội cũ và xây dựng xong ngay xã hội mới. Quá trình chuyển từ xã hội phong kiến lên xã hội tư bản chủ nghĩa đã phải trải qua hàng trăm năm với nhiều cuộc cách mạng tư sản: Cách mạng Anh năm 1788, các cuộc cách mạng tư sản Pháp vào các năm 1830, 1848, 1871...

Sự phát triển của xã hội loài người từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga

đã chứng tỏ rằng, lý tưởng của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga đã không chỉ là ngọn đèn pha dẫn đường tỏa sáng, mà còn có những đóng góp thực tế to lớn. Cách mạng Tháng Mười Nga là tiếng chuông đánh thức lịch sử, báo hiệu một trang sử mới của thế giới. Thế giới trước Cách mạng Tháng Mười Nga là một thời kỳ u mê, an phận, là thời đại của chủ nghĩa tư bản. Sự đột phá của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga làm cho chủ nghĩa tư bản bị đổ vỡ một mảnh lớn. Thế giới bừng tỉnh, bung ra với sức mạnh mới của sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội làm sụp đổ hoàn toàn hệ thống thuộc địa, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Thành quả của Cách mạng Tháng Mười Nga đã tạo cho loài người có khả năng kìm giữ sự lộng hành của chủ nghĩa tư bản, làm thay đổi cả những yếu tố bên trong của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản đã không thể sống tự nó nữa mà đã phải cố gắng vì sự tồn tại của nó. Những thay đổi trong chiến lược kinh tế, chính trị để thích nghi, những thay đổi trong các chính sách phúc lợi xã hội, đảm bảo xã hội... ở

các nước tư bản phát triển hiện nay đều do kết quả của xã hội đấu tranh của những người lao động và sâu xa hơn là được ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga.

Từ những phân tích trên đây, chúng ta càng thống nhất với nhận định rằng, mặc dù tình hình thế giới trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới có nhiều thay đổi, có khi là thay đổi khôn lường nhưng bản chất của thời đại không thay đổi. Tình hình cụ thể trong từng thời kỳ của thế giới có những biến động nhưng điều đó không làm thay đổi nội dung của thời đại; loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn, nội dung và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp vẫn diễn ra dưới nhiều hình thức.

4.3. Luận cứ về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Nước ta quá độ lên CNXH tuy không còn có sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước XHCN như trước, nhưng trong giai đoạn mới của thời đại, khi cách mạng khoa học - công nghệ và

toàn cầu hoá đời sống thế giới, tất cả các nước đều ở trong mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau, không một nước nào sống biệt lập mà có thể phát triển được. Sự hợp tác kinh tế với các nước bằng nhiều hình thức sinh động trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau dưới bất kỳ hình thức nào, sẽ tranh thủ vốn, kỹ thuật, công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý, phục vụ cho việc phát triển kinh tế đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH. Đó cũng là một khả năng thực tế mà chúng ta đã và đang cố gắng tận dụng, đưa nước ta hoà nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Mặt khác, không chỉ có thời cơ mà còn có cả những thách thức, những nguy cơ. Trong hợp tác kinh tế với các nước, nhất là với các nước tư bản phát triển, là những trung tâm kinh tế kỹ thuật hùng mạnh, họ có thể lợi dụng ưu thế về vốn, kỹ thuật và công nghệ hiện đại để gây sức ép đối với chúng ta, nhất là trong những lúc chúng ta gặp khó khăn, buộc chúng ta phải chấp nhận những điều kiện có

lợi cho họ, hòng lái chúng ta đi chệch khỏi định hướng XHCN. Mặc dù “hoà bình, hợp tác”, phát triển là xu hướng của thời đại nhưng còn một xu hướng khác đối lập là xu hướng cường quyền, áp đặt. Mưu toan của các thế lực cường quyền, hiếu chiến đang thể hiện trong các điểm nóng trên nhiều khu vực của thế giới đang là những mưu toan độc chiếm các vùng biển đảo, xâm phạm độc lập, chủ quyền của nước khác.

Đó là những thách thức, những nguy cơ mà chúng ta cần có sự nhận thức sâu sắc và tỉnh táo, không một chút mơ hồ, mất cảnh giác, để có những chủ trương, biện pháp ngăn ngừa, đối phó hữu hiệu. Chúng ta thực hiện phương châm vừa hợp tác, vừa đấu tranh trên cơ sở giữ vững những vấn đề có tính nguyên tắc về mục tiêu chiến lược và mềm dẻo linh hoạt về sách lược. Đấu tranh không phải để phá vỡ hợp tác mà để phát triển sự hợp tác. Phải biết khéo lợi dụng những mâu thuẫn trong hệ thống TBCN, nhất là mâu thuẫn giữa các nước lớn trong xu hướng đa cực hoá để mở rộng sự hợp tác vừa có lợi, vừa bảo vệ được mình và chuẩn bị

sẵn sàng đối phó với những tình huống xấu nhất, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

Một vấn đề nữa cũng không kém phần quan trọng là khi nước ta hội nhập vào kinh tế khu vực và kinh tế thế giới, chúng ta cũng chịu sự tác động hai chiều tích cực và tiêu cực đến kinh tế của nước ta. Tác động tích cực khi kinh tế khu vực và kinh tế thế giới ổn định phát triển, tác động tiêu cực khi kinh tế thế giới và kinh tế khu vực rơi vào trì trệ khủng hoảng. Chúng ta cần có chính sách sử dụng tốt mặt tích cực và ngăn ngừa, hạn chế mặt tiêu cực, giữ cho nền kinh tế nước ta ổn định và phát triển. Đây là bài học thực tế đã xử lý trước những tác động tiêu cực của cơn khủng hoảng tài chính - tiền tệ và

khủng hoảng kinh tế trong khu vực và thế giới trong thời gian qua.

Như vậy, từ một nước kinh tế kém phát triển, nếu chúng ta biết tranh thủ những thời cơ, những thuận lợi và biết vượt qua những thách thức, những nguy cơ, chúng ta có thể “phát triển rút ngắn” lên XHCN bỏ qua chế độ TBCN theo quan điểm của V.I.Lênin, Người đã có đóng góp to lớn vào lý luận về sự “phát triển rút ngắn” và chính sách kinh tế mới (NEP). Nó đã được thực tiễn khảo nghiệm mà ngày nay Đảng ta đang vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cách mạng nước ta.

Xuất phát từ tình hình như thế, chúng ta có thể tin tưởng vững chắc rằng Việt Nam đang trong tư thế vươn tầm, kiên định con đường đã lựa chọn, đã có đủ sức lực và trí tuệ để tiến bước cùng thế giới, tiến cùng

¹. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.514.

². ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, 2011, tr.69.

CÓ PHẢI CHỈ THỰC HÀNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG, TAM QUYỀN PHÂN LẬP, XÃ HỘI DÂN SỰ THÌ NƯỚC TA MỚI PHÁT TRIỂN THEO DÒNG THỜI ĐẠI?

● PGS, TS NGUYỄN VĂN THẠO

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Đất nước ta phải phát triển theo dòng thời đại, song vấn đề là thời đại nào?

Thời đại là một khái niệm khoa học dùng để phân kỳ lịch sử xã hội, phân biệt những nấc thang phát triển của xã hội loài người. Từ lâu, việc phân kỳ lịch sử xã hội loài người đã được nhiều nhà khoa học quan tâm, đưa ra các cách phân loại khác nhau. S.Phuriê (1772-1837), một nhà khoa học xã hội người Pháp đã chia lịch sử loài người thành bốn giai đoạn, tạo thành bốn thời đại khác nhau là: mông muội, dã man, gia trưởng, văn minh. Nhà nhân chủng học người Mỹ, Moocgan (1818-1881) chia lịch sử loài

người thành ba giai đoạn, ba thời đại là: mông muội, gia trưởng, văn minh. S.Phuriê và Moocgan sống trong thời kỳ đầu phát triển của chủ nghĩa tư bản, xã hội văn minh mà các ông nói đến là xã hội tư bản, xã hội gia trưởng, mông muội và dã man trong quan niệm của các ông là xã hội phong kiến và trước phong kiến (nô lệ, nguyên thủy). Đây là những thời đại khác nhau, những bậc thang trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại. Cơ sở để các ông phân chia các giai đoạn phát triển của lịch sử từ mông muội, dã man đến xã hội gia trưởng, xã hội văn minh là trình độ phát triển kinh tế, xã hội, trình độ giải phóng

con người. Trong thời kỳ mông muội, con người phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên; trong thời kỳ dã man, những người nô lệ bị đối xử như gia súc; trong xã hội gia trưởng, những người nông nô lệ thuộc vào các điền chủ, chúa phong kiến; chỉ trong xã hội văn minh, người lao động mới được tự do. Sự phân chia đó có những yếu tố hợp lý. Tuy nhiên, đặc trưng của từng thời đại, từng giai đoạn phát triển đó là gì, nguyên nhân nào, động lực nào thúc đẩy sự phát triển đó đều chưa được làm rõ.

Gần đây, nhà tương lai học người Mỹ, A.Toppfơ (1928-2016) phân chia sự phát triển của xã hội loài người thành ba giai đoạn (hay ba làn sóng), tương ứng với ba nền văn minh: văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh hậu công nghiệp. Nền văn minh nông nghiệp bắt đầu từ khoảng 8.000-10.000 năm trước Công nguyên kéo dài đến khoảng năm 1650 sau Công nguyên với nông nghiệp là ngành sản xuất chính của xã hội. Làn sóng văn minh thứ hai, văn minh công nghiệp bắt đầu từ khoảng những năm 1650-1750 đến giữa thế kỷ XX, bắt đầu từ châu Âu rồi lan tỏa ra khắp

thế giới, với sự phát triển của những nhà máy công nghiệp sản xuất ra hầu hết những tư liệu sản xuất, tư liệu sinh hoạt của xã hội. Làn sóng văn minh thứ ba bắt đầu từ Mỹ giữa thế kỷ XX, lan tỏa sang các nước phát triển khác. Trong xã hội hậu công nghiệp, phương thức sản xuất ra của cải vật chất đã có sự thay đổi căn bản; tri thức, thông tin trở thành những yếu tố sản xuất quan trọng nhất, mà tri thức, thông tin có thể phát triển vô tận, không bị giới hạn bởi số lượng như đất đai, vốn, các yếu tố vật chất như trong các xã hội trước đây. A.Toppfơ phân chia các thời đại chỉ căn cứ vào trình độ phát triển của sản xuất, bỏ qua cơ cấu xã hội, các quan hệ xã hội, nhất là các mâu thuẫn và xung đột xã hội gắn liền với các nền sản xuất đó và không chỉ ra được động lực nào, nguyên nhân nào đã thúc đẩy sự phát triển, thay thế nhau của các nền văn minh một cách khoa học, thuyết phục.

C.Mác (1818-1883) với quan điểm duy vật lịch sử, học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người, cơ sở để xác định các giai đoạn phát triển, để

phân chia các thời đại. Lịch sử loài người là một quá trình phát triển không ngừng, đi từ thấp lên cao, ngày càng tiến bộ. Con người trước hết phải sống, phải tồn tại trước khi có thể làm thơ, làm khoa học, làm chính trị. Để sống, con người phải lao động, phải sản xuất ra của cải vật chất. Sản xuất vật chất là nền tảng cho sự tồn tại của xã hội. Trong quá trình sản xuất, nhờ tích lũy kinh nghiệm, nhờ hiểu biết ngày càng nhiều, càng sâu về thế giới xung quanh, con người không ngừng đổi mới sáng tạo, cải tiến công cụ lao động, thay đổi phương pháp sản xuất để có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn, có cuộc sống tốt hơn. Khi năng suất lao động tăng lên, của cải nhiều hơn, có của cải tích lũy, con người không cần dùng toàn bộ thời gian cho hoạt động sản xuất, một bộ phận người trong xã hội không phải trực tiếp tham gia lao động sản xuất, mà có thời gian, điều kiện cho các hoạt động khác: hoạt động văn hóa, giáo dục, chữa bệnh cho con người, nghiên cứu khoa học, hoạt động tôn giáo... làm cho xã hội phát triển không ngừng, ngày càng cao hơn, phong phú, đa dạng hơn.

Trong sản xuất, con người không chỉ có sự phân công, chuyên môn hóa mà còn có sự hợp tác với nhau; sản xuất càng phát triển thì phân công và hợp tác càng phát triển. Trong sản xuất, con người không chỉ tác động vào tự nhiên mà còn có sự tác động lẫn nhau, quan hệ với nhau, chỉ trong các quan hệ đó mới có sự tác động vào tự nhiên. Đó chính là các quan hệ sản xuất, những quan hệ sản xuất này phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và phát triển theo cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Những quan hệ sản xuất này là cơ sở làm hình thành những quan hệ xã hội khác, hình thành nên những giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, hệ thống kiến trúc thượng tầng của xã hội tương ứng với nó, tạo nên một xã hội có những đặc trưng riêng, một thời đại trong lịch sử phát triển của xã hội loài người. Khi quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thì nó tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất. Ngược lại, khi quan hệ sản xuất không phù hợp với lực lượng sản xuất thì trở thành lực cản, kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất.

Song, đến một giới hạn nhất định, sự phát triển của lực lượng sản xuất sẽ phá vỡ những quan hệ sản xuất cũ, hình thành nên những quan hệ sản xuất mới, phù hợp với sự phát triển của nó; do đó, phá vỡ kiến trúc thượng tầng, các quan hệ, kết cấu giai cấp của xã hội cũ, hình thành nên những quan hệ, kết cấu giai cấp xã hội mới, kiến trúc thượng tầng xã hội mới; thúc đẩy xã hội phát triển, đã tạo nên các thời đại khác nhau: thời đại nô lệ, thời đại phong kiến, thời đại tư bản. Đây là quy luật vận động khách quan của lịch sử xã hội loài người. Theo quy luật đó, chủ nghĩa tư bản nhất định không phải là thời đại cuối cùng của nhân loại, mà nhân loại nhất định sẽ vượt qua chủ nghĩa tư bản để đi tới một thời đại mới, một xã hội mới cao hơn, tiến bộ hơn, trên cơ sở kế thừa những thành tựu phát triển của chủ nghĩa tư bản và loại bỏ những quan hệ tiêu cực, cản trở sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Đó là xã hội cộng sản chủ nghĩa, mà giai đoạn đầu của nó là chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, sự phát triển của xã hội từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình lâu dài, mà ngày nay là thời đại

quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Thực tế, ngày nay, trên thế giới đã có nhiều mô hình, nhiều thử nghiệm con đường phát triển lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội theo mô hình Xô-viết đã không vượt qua được những thách thức, cạnh tranh với chủ nghĩa tư bản. Quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội không phải là một đường thẳng đơn giản, mà rất nhiều trở ngại, nhưng không phải chủ nghĩa xã hội đã hoàn toàn bị loại bỏ, chủ nghĩa tư bản sẽ tồn tại vĩnh viễn, là thời đại cuối cùng trong lịch sử nhân loại. Ngày nay, chủ nghĩa xã hội đang được đổi mới, giành được những thành tựu lớn ở một số nước và chủ nghĩa tư bản cũng phải điều chỉnh, ngay trong lòng các nước tư bản phát triển cũng đang hình thành, tích tụ những yếu tố phủ định chủ nghĩa tư bản, quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, khi cho rằng để phát triển, đất nước ta phải theo dòng chảy của thời đại, thì những người này muốn chúng ta phải theo dòng chảy của thời đại nào? Chúng ta không thể đi vào con đường tư bản chủ nghĩa, bởi ngày nay, chủ nghĩa tư bản cũng đang từng

bước được cải biến, từng bước bị phủ định, vượt qua; nhân loại đang bước vào thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; do đó, chúng ta phải đi theo dòng chảy tiến bộ của lịch sử, dòng chảy của thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ấn ý thực sự của những người đưa ra quan điểm nước ta phải đi theo dòng chảy của thời đại chính là muốn nước ta phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, dòng thời đại ở đây là thời đại tư bản chủ nghĩa. Đây là quan điểm sai lầm, không thể chấp nhận.

2. Phát triển kinh tế thị trường, thực hiện tam quyền phân lập và xã hội dân sự có phải là mô hình tổ chức và vận hành của xã hội có tính khuôn mẫu, bất biến mà mọi đất nước phải noi theo để phát triển không?

Thực tế lịch sử cho thấy không phải như vậy. Lịch sử cho thấy tổ chức và cơ chế vận hành của xã hội luôn phụ thuộc vào trình độ phát triển của xã hội, nhất là trình độ phát triển của sản xuất, vào đặc điểm của thời đại ở từng giai đoạn cụ thể. Các xã hội trước chủ nghĩa tư bản chưa có kinh tế thị trường, chưa có tam quyền phân lập giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp;

chưa có xã hội dân sự và vai trò của xã hội dân sự. Kinh tế thị trường, tam quyền phân lập, xã hội dân sự là những yếu tố gắn liền với chủ nghĩa tư bản, được xem như là những yếu tố đặc trưng của chủ nghĩa tư bản. Nhưng khi khuyên nước ta phải thực hiện những điều này, họ không biết rằng ngay trong chủ nghĩa tư bản, những yếu tố này cũng không phải là bất biến mà có sự thay đổi, phát triển, sự tồn tại của chúng trong thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản và trong chủ nghĩa tư bản hiện đại ngày nay có rất nhiều điểm khác nhau, nhiều yếu tố đặc trưng của chủ nghĩa tư bản đã bị vượt qua.

Kinh tế thị trường trong thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản là kinh tế thị trường tự do cạnh tranh. Trong nền kinh tế đó, sự tác động tự phát của các quy luật của kinh tế thị trường đã dẫn đến các cuộc khủng hoảng chu kỳ, sự phân cực xã hội sâu sắc, tạo nên những bất ổn, xung đột xã hội, do đó, đòi hỏi phải có vai trò điều tiết của nhà nước, khắc phục những khuyết tật của cơ chế thị trường. Các nền kinh tế thị trường hiện đại ở các nước tư bản phát triển ngày nay đều là các

nền kinh tế thị trường có sự quản lý, điều tiết của nhà nước. Hơn nữa, tùy theo mức độ, nội dung và mục tiêu can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế có sự khác nhau ở các nước khác nhau, tạo nên nhiều mô hình kinh tế thị trường hiện đại khác nhau (kinh tế thị trường tự do ở Mỹ, kinh tế thị trường xã hội ở Đức, kinh tế thị trường phúc lợi xã hội ở các nước Bắc Âu, kinh tế thị trường nhà nước phát triển ở Nhật Bản, Hàn Quốc); nhưng xu hướng chung là đều có sự can thiệp, điều tiết của nhà nước để bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định môi trường cho sự phát triển kinh tế, nâng cao trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường của doanh nghiệp; đồng thời nhà nước cung cấp các dịch vụ công thiết yếu, bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội cho các tầng lớp nhân dân, quan tâm tới giải quyết các vấn đề xã hội. Với sự điều tiết của nhà nước, chủ nghĩa tư bản đã phát triển trở thành chủ nghĩa tư bản nhà nước, một bước phát triển mới của chủ nghĩa tư bản. Cùng với sự can thiệp, điều tiết của nhà nước, trong nền kinh tế thị trường hiện đại ngày nay, tổ chức công ty, một chủ thể chính trong

nền kinh tế thị trường, cũng thay đổi; các công ty cổ phần ngày càng phát triển, trở thành loại hình công ty chủ yếu có vai trò ngày càng lớn; hầu như tất cả các công ty, tập đoàn kinh tế siêu quốc gia, xuyên quốc gia đều là công ty cổ phần, có sự tham gia của nhiều chủ sở hữu, thuộc nhiều thành phần xã hội, kể cả người lao động. Ngay từ thế kỷ XIX, khi các công ty cổ phần, hình thức sở hữu cổ phần mới xuất hiện, C.Mác đã cho rằng đây là sở hữu tư nhân được xã hội hóa, là sự phủ định đối với sở hữu tư nhân cá thể và điều này diễn ra ngay trong lòng chế độ tư bản.

Tam quyền phân lập là nguyên tắc tổ chức của nhà nước tư bản để không tập trung quá nhiều quyền lực nhà nước vào một cơ quan nhất định bằng sự phân chia quyền lực và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong xã hội phong kiến trước chủ nghĩa tư bản, mọi quyền lực nhà nước tập trung vào một cá nhân nhà vua dẫn đến chuyên quyền, chuyên chế. Với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản, tư tưởng về xây dựng nhà nước pháp quyền, tam quyền phân lập được đề xướng bởi

các nhà tư tưởng lớn người Anh J.Locke (1632-1704), người Pháp C.L.Montesquieu (1689-1775), J.J Rousseau (1717-1778). Các ông cho rằng quyền lực nhà nước luôn có xu hướng dẫn đến lạm quyền, chuyên quyền, bởi vậy, để ngăn ngừa các hành vi lạm quyền, chuyên quyền phải có thiết chế giới hạn, kiểm soát quyền lực nhà nước, mà cách tốt nhất là bằng pháp luật, bằng phân chia quyền lực nhà nước thành các nhánh lập pháp, hành pháp, tư pháp và sự kiểm soát lẫn nhau giữa các nhánh. Những tư tưởng này trở thành nền tảng cho tổ chức và vận hành của bộ máy nhà nước ở các nước tư bản. Tuy nhiên, tuy cũng dựa trên nền tảng của nguyên tắc tam quyền phân lập, nhưng ở các nước tư bản phát triển, do mỗi nước có truyền thống lịch sử, văn hóa, có những điều kiện đặc thù của mình, nên không có mô hình tổ chức nhà nước giống nhau, mà có nhiều mô hình tổ chức nhà nước khác nhau. Mô hình nhà nước Mỹ có Tổng thống đứng đầu hành pháp có quyền lực rất lớn, có Quốc hội gồm hai viện là Thượng viện và Hạ viện nắm quyền lập pháp, có Tòa án tối cao, hệ thống

tòa án Liên bang và toà án các bang nắm giữ quyền tư pháp. Ở Pháp, nhà nước có Tổng thống đứng đầu hành pháp, nhưng lại có Thủ tướng do Tổng thống bổ nhiệm, đứng đầu nội các (chính phủ) để điều hành hoạt động của nội các; có Nghị viện gồm Thượng viện và Quốc hội (Hạ viện), có hệ thống tòa án thực hành quyền tư pháp do Bộ Tư pháp quản lý và bổ nhiệm các thẩm phán. Ở Anh, thể chế nhà nước lại là nước quân chủ lập hiến, Nữ hoàng Anh là người đứng đầu nhà nước, nguyên thủ quốc gia, trên danh nghĩa là người nắm cả quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp nhưng thực tế chỉ có tính biểu tượng. Quyền lập pháp thuộc Quốc hội gồm hai viện Viện thứ dân (Hạ viện) và Viện quý tộc (Thượng viện). Quyền hành pháp thuộc chính phủ, đứng đầu là Thủ tướng là lãnh đạo phe đa số ở Viện thứ dân (Hạ viện). Quyền tư pháp thuộc về hệ thống Tòa án đứng đầu là Quan chưởng ấn, người có quyền bổ nhiệm thẩm phán cho các tòa án...

Đồng thời và quan trọng hơn là ngày nay, trong nền chính trị hiện đại ở các nước tư bản phát triển, đều phải

thừa nhận rằng quyền lực nhà nước là thuộc về nhân dân. Nhân dân bằng lá phiếu của mình bầu nên Quốc hội, Tổng thống, phê chuẩn các thành viên chính phủ. Quyền lực của bộ máy nhà nước là quyền lực do nhân dân ủy quyền, thay mặt nhân dân để quản lý đất nước, quản lý xã hội. Bởi vậy, mặc dù có sự phân chia quyền lực, sự độc lập, đối lập giữa các nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp, nhưng tất cả đều phải tính đến phản ứng của nhân dân, của xã hội, phải sử dụng quyền lực trong phạm vi quy định của pháp luật. Các đảng chính trị ra đời, đề ra các chủ trương, chính sách quản lý, phát triển đất nước; tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ chủ trương, chính sách của mình, bỏ phiếu cho các ứng cử viên của đảng trong các cuộc bầu cử Quốc hội, bầu cử Tổng thống. Đảng giành được nhiều phiếu nhất trong Quốc hội được quyền thành lập chính phủ. Lãnh đạo của Đảng trở thành Tổng thống, Thủ tướng; đảng trở thành đảng cầm quyền, thông qua quyền lực nhà nước thực hiện chủ trương, chính sách của mình. Tổng thống và Quốc hội có quyền bổ nhiệm các thẩm phán

của tòa án tối cao. Khi đảng cầm quyền có đa số trong Quốc hội, Tổng thống, Thủ tướng và nhiều thành viên chính phủ là người của đảng cầm quyền; Tổng thống, Quốc hội có quyền bổ nhiệm thẩm phán thì tam quyền phân lập giữa lập pháp, hành pháp, tư pháp, sự kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan này, giữa các nhánh quyền lực nhà nước ở các nước tư bản phát triển đã không còn hoàn toàn như trước. Chẳng lẽ những người cổ vũ, tuyệt đối hóa nguyên tắc tam quyền phân lập trong tổ chức bộ máy nhà nước không thấy điều này. Khi cổ vũ, tuyệt đối hóa nguyên tắc tam quyền phân lập trong tổ chức bộ máy nhà nước theo tư tưởng của J.Locke, C.L.Montesquieu, xem đó là kiểu mẫu cho tổ chức nhà nước ở các nước, họ đã lạc hậu so với sự vận động, phát triển của lịch sử xã hội.

Trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, nhất là trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, vai trò của nhân dân ngày càng được khẳng định, được thể hiện bằng nhiều hình thức phong phú. Nhân dân không chỉ bằng lá phiếu của mình để tổ chức nên bộ máy nhà nước, ủy quyền cho nhà

nước thay mặt mình quản lý đất nước, quản lý xã hội, mà còn tự tập hợp thành các tổ chức đa dạng, như: theo tuổi tác, giới tính, theo nghề nghiệp, theo sở thích... để hỗ trợ lẫn nhau, để tăng thêm sức mạnh, hiệu quả trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của mình, để mở rộng giao tiếp, đáp ứng những nhu cầu xã hội, tinh thần phong phú của mình... Các tổ chức xã hội này được xem là xã hội dân sự. Điều này là cần thiết do tình trạng quan liêu, lạm quyền, tha hóa trong đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước. Đặc biệt, trong các nhà nước tư bản, bộ máy nhà nước bị thao túng bởi các tập đoàn tư bản, trở thành công cụ bảo vệ lợi ích cho họ, xâm phạm đến lợi ích của người lao động. Do đó, các tổ chức xã hội dân sự có xu hướng đối lập với nhà nước. Nhưng khi cho rằng để phát triển, nước ta phải có các tổ chức xã hội dân sự đối lập với nhà nước thì những người này đã sai lầm, bởi mặc dù trong nhà nước ta vẫn còn những cán bộ quan liêu, lạm quyền, tha hóa, nhưng bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; sứ mệnh, chức năng của Nhà nước là phục vụ nhân

dân, cán bộ, công chức nhà nước là công bộc của dân; nhân dân và các tổ chức do nhân dân thành lập không chỉ tự chủ trong hoạt động, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân mà còn có quyền phản biện các chủ trương, chính sách của Nhà nước, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước. Những nội dung này đều được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật của đất nước. Chính điều này đã tạo nên sự đồng thuận xã hội, tạo nên sức mạnh của khối đoàn kết toàn Đảng, toàn dân làm nên những thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta những năm qua. Thật phi lý khi cố vũ cho việc tạo ra sự đối lập giữa các tổ chức xã hội do nhân dân lập ra với nhà nước cũng do nhân dân lập ra để thay mặt nhân dân quản lý đất nước, quản lý xã hội, để phục vụ nhân dân.

Như vậy, đối với nước ta, cần phải phát triển kinh tế thị trường nhưng là kinh tế thị trường nào, không thể là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, nhất là không thể là kinh tế thị trường tự do cạnh tranh không có sự quản lý của nhà nước trong thời kỳ đầu của



Việt Nam phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa _ Ảnh: TL

chủ nghĩa tư bản, đã bị lịch sử vượt qua. Cần phải có sự kiểm soát đối với quyền lực nhà nước, sự kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp, cần phải có sự giám sát của các tổ chức xã hội của nhân dân với các cơ quan nhà nước; nhưng vấn đề là kiểm soát như thế nào, không thể là kiểm soát lẫn nhau như giữa các lực lượng đối lập, tạo nên sự chia rẽ, cản trở sự phát triển của đất nước. Cổ vũ cho phát triển kinh tế thị trường, tam quyền phân lập và xã hội dân sự theo hình mẫu của chủ nghĩa tư bản là kéo

lùi lịch sử, với động cơ đưa nước ta phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa là không chấp nhận được.

3. Đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đưa nước ta vào dòng chảy của thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội để phát triển đất nước là đúng đắn, phù hợp với xu thế của thời đại và điều kiện của đất nước

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà nước ta phát

triển là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vừa vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hợp tác và cạnh tranh bình đẳng theo pháp luật. Hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, việc phân bổ các nguồn lực kinh tế của nhà nước được thực hiện theo cơ chế thị trường, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của đất nước. Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, hoạt động ở mọi ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Các

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà nước ta phát triển là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vừa vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

quyền sở hữu tài sản, tự do kinh doanh, tự do lưu thông được bảo vệ; phát triển đầy đủ, đồng bộ các loại thị trường, tạo cơ sở cho các quy luật của kinh tế thị trường hoạt động, phát huy vai trò của mình; hội nhập kinh tế quốc tế được đẩy mạnh, phát triển ngày càng sâu rộng. Nhà nước quản lý đất nước bằng luật pháp, chính sách, quy hoạch, kế hoạch và sử dụng các nguồn lực kinh tế nhà nước để giữ ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh; điều tiết, định hướng phát triển nền kinh tế; cung cấp các dịch vụ công thiết yếu, bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường. Nhà nước không can thiệp vào hoạt động của doanh nghiệp bằng mệnh lệnh hành chính. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong quyết định giá cả, huy động, phân bổ các nguồn lực, điều

tiết lưu thông hàng hóa, điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội của nhân dân có chức năng phản biện, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước; phản ánh nhu cầu, nguyện vọng, bảo vệ quyền, lợi ích của các tầng lớp nhân dân, vận động nhân dân thực hiện các chính sách đúng đắn của nhà nước, tác động đến quan hệ cung - cầu lao động, hàng hóa trên thị trường... Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với cơ cấu và cơ chế vận hành như vậy là nền kinh tế thị trường hiện đại phù hợp với thông lệ quốc tế, kế thừa những thành tựu phát triển của chủ nghĩa tư bản; đồng thời, phát triển, có những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là vai trò quản lý của Nhà nước pháp quyền xã

hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, vai trò nền tảng của kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể; thực hiện phân phối vừa theo kết quả lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, vừa theo mức đóng góp vốn, các yếu tố sản xuất khác, đồng thời phân phối qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội; kết hợp phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; quyền lực nhà nước là do nhân dân ủy quyền, thay mặt nhân dân quản lý đất nước; có sự phân công, phối hợp và kiểm

soát lẫn nhau giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp theo. Giữa các cơ quan lập pháp (Quốc hội), hành pháp (Chính phủ), tư pháp (Tòa án) có sự kiểm soát lẫn nhau, nhưng không phải là sự kiểm soát của những lực lượng đối lập nhau, mà quyền lực của các cơ quan này đều do nhân dân ủy quyền, phân công để thực hiện các chức năng khác nhau, đều do cùng một đảng cầm quyền lãnh đạo, nên còn có trách nhiệm phối hợp với nhau để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Tổ chức bộ máy nhà nước, chức năng, quan hệ phối hợp, kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp đều thực hiện theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; hoạt động của các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của Đảng cầm quyền cũng phải trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; Nhà nước quản lý đất nước, quản lý xã hội bằng pháp luật, theo pháp luật. Cùng với sự kiểm soát lẫn nhau giữa các nhánh quyền lực nhà nước, Nhà nước còn chịu sự giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội của nhân dân theo quy định

của pháp luật. Tổ chức và phương thức hoạt động của Nhà nước như vậy phù hợp với các chuẩn mực phổ biến của nhà nước pháp quyền trên thế giới. Nhưng điểm khác biệt lớn của Nhà nước ta so với nhà nước pháp quyền ở các nước tư bản trên thế giới là pháp luật của Nhà nước ta là để phục vụ nhân dân, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, phát triển đất nước nhanh, bền vững để nâng cao đời sống vật chất của nhân dân, là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước được sự đồng tình ủng hộ, tích cực thực hiện của nhân dân đã tạo nên những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, tạo nên cơ đồ, tiềm lực, vị thế của đất nước như ngày nay. Đại hội XIII của Đảng, trên cơ sở đánh giá đúng tình hình đất nước, khu vực và thế giới, sẽ tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối để đất nước đạt được những thành tựu to lớn hơn nữa. Không có lý do gì để Đại hội XIII của Đảng phải làm theo lời khuyên của những người muốn kéo lùi lịch sử, đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa ■

PHẢI CHĂNG, MUỐN PHÁT TRIỂN, ĐẠI HỘI XIII CẦN BỎ CỤM TỪ "NÊN TẢNG TƯ TƯỞNG", CỨ LÝ THUYẾT NÀO ĐÚNG THÌ THEO?

● PGS, TS PHẠM VĂN LINH

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Sự mâu thuẫn của một âm mưu thâm độc

Trong lịch sử phát triển của văn minh nhân loại, sự đấu tranh, va đập, xung đột giữa các trào lưu tư tưởng, ý thức hệ, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng... luôn xuất hiện và có diễn biến phức tạp, nhất là từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời cho đến nay. Tùy theo đặc điểm, mức độ khác nhau, có thể nói, cuộc đấu tranh ý thức hệ giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội là cuộc đấu tranh dai dẳng, lâu dài, quyết liệt nhất. Quy mô, tính chất, phạm vi ảnh hưởng sâu rộng, từ khi chủ nghĩa xã hội mới chỉ là "ý tưởng", cho đến khi trở thành mô hình phát triển hiện thực với nhiều tính ưu việt không thể phủ nhận. Nếu như, chủ

nghĩa tư bản ra đời và phát triển như ngay nay, mất gần 4 thế kỷ, tuy đã có nhiều điều chỉnh so với chủ nghĩa tư bản hoang dã trước đây về sự bất bình đẳng, chênh lệch giàu nghèo, mâu thuẫn xã hội, khủng bố, thủ phạm của nhiều cuộc chiến tranh..., nhưng bản thân mô hình chế độ xã hội này, cũng đã vấp phải nhiều thăng trầm, khủng hoảng chu kỳ, đổ vỡ ở nhiều quốc gia trong quá trình phát triển. Theo bản chất của sự vận động, đó là sự mâu thuẫn trong giải quyết mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; mâu thuẫn giữa sự tiến bộ của văn minh vật chất không tương xứng với sự phát triển của văn minh tinh thần... Rõ ràng rằng, trong quá

trình tiến hóa của nhân loại, nhất định sẽ ra đời chế độ xã hội mới, ưu việt hơn.

Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội hiện thực, đến nay mới được hơn 100 năm, bắt đầu từ cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Nhân loại chứng kiến một mô hình chế độ xã hội mới, chưa có tiền lệ trong lịch sử, với một kiểu tổ chức, thiết chế xã hội, được thiết lập trên những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác, được Lênin vận dụng và phát triển sáng tạo vào thực tiễn nước Nga - một nước tư bản phát triển trung bình lúc bấy giờ. Tư tưởng, lý luận mà Mác, Ăng ghen và sau này là Lê nin về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là sự tổng kết khoa học quá trình tiến hóa của lịch sử nhân loại, đúc kết những giá trị tri thức, tinh hoa trên các lĩnh vực của lịch sử văn minh nhân loại, từ công xã nguyên thủy cho đến chủ nghĩa tư bản và dự báo cho sự ra đời một chế độ xã hội mới. Đó cũng là một quá trình lịch sử tự nhiên từ thấp đến cao, từ tư tưởng thành hiện thực.

Ngay từ khi mới ra đời, bản thân chủ nghĩa macxit đã phải trải qua nhiều cuộc đấu tranh ý thức hệ, với các mức độ khác nhau. Đặc điểm

chính của các xung đột ý thức hệ thời đó, là cuộc đấu tranh về tư tưởng, lý luận với các quan điểm triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học do Mác, Ăng ghen đại diện với các trào lưu tư tưởng khác, trong đó có tư tưởng của giai cấp thống trị. Những cuộc đấu tranh, phê phán này ít mang tính bạo lực, hoặc ở mức độ khác là sự đàn áp của Nhà nước với cá nhân hay một nhóm người.

Từ khi những dự báo của các nhà kinh điển macxit trở thành hiện thực, với sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới - Nhà nước Xô viết, cuộc đấu tranh về ý thức hệ chuyển sang một giai đoạn mới, với sự đa dạng, phức tạp và khốc liệt hơn nhiều. Đó là cuộc đấu tranh “*ai thắng ai*” giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, giữa hai kiểu chế độ chính trị, nhà nước với ý thức hệ khác nhau, là cuộc đấu tranh “một mất một còn”, không khoan nhượng. Tính chất, âm mưu và thủ đoạn, nội dung chống phá của các thế lực cơ hội, thù địch vừa mang tính chất nhà nước, liên nhà nước, tổ chức và cá nhân... nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Nhân loại đã từng chứng kiến



Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đưa nhân dân, đất nước thoát khỏi ách đô hộ thực dân, thoát khỏi đói nghèo _ Ảnh: TL

các cuộc bao vây cấm vận kinh tế, chiến tranh lạnh, chiến tranh “ủy nhiệm”, cách mạng mầu, xung đột vũ trang... cũng như các thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, tâm lý chiến, xuyên tạc, bôi nhọ... Đặc điểm, mức độ tác động do sự chống phá của các thế lực cơ hội thù địch, với từng giai đoạn, từng nước cũng rất khác nhau, phụ thuộc vào nhiều nhân tố, bên trong và bên ngoài. Trong sự sụp đổ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, sự khó khăn của các

nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, có nguyên nhân quan trọng từ sự chống phá về tư tưởng, ý thức hệ của các thế lực cơ hội, thù địch.

Ở Việt Nam, sự chống phá của các thế lực thù địch diễn ra từ trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, bằng sự đàn áp của chế độ thực dân với các phong trào yêu nước, các cá nhân có tư tưởng tiến bộ. Khát vọng giành độc lập dân tộc, đưa nhân dân, đất nước thoát khỏi ách đô hộ thực dân, thoát

khỏi đói nghèo cũng là một trong những nguyên nhân ra đời một chính Đảng kiểu mới - chính Đảng của giai cấp công nhân, lãnh đạo nhân dân kháng chiến giành độc lập và đi lên chủ nghĩa xã hội. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Bây giờ chủ nghĩa nhiều, học thuyết nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin. Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Việt Nam, không chỉ là cuộc kháng chiến giành độc lập của một dân tộc đánh đuổi đế quốc, thực dân xâm lược mà còn là cuộc đấu tranh về ý thức hệ giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Ở thời điểm sau Chiến tranh thế giới lần thứ II, phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc và lựa chọn đi lên chủ nghĩa xã hội, đang trở thành khát vọng của nhiều quốc gia, dân tộc sau hàng thế kỷ sống dưới chế độ thực dân, phong kiến, trong đó có cả những nước tư bản chủ nghĩa.

Trong suốt 30 năm từ khi Nhà nước công nông non trẻ đầu tiên ra đời, cho đến khi đất nước thống nhất, non sông thu về một mối, Việt Nam đã tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ

đánh Pháp, đuổi Nhật và chiến thắng đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Cuộc đấu tranh ý thức hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản diễn ra ở Việt Nam lúc này, không chỉ là cuộc đấu tranh trên chiến trường với súng đạn, các phương tiện chiến tranh hủy diệt của kẻ thù xâm lược, sự hy sinh xương máu của hàng triệu người, mà còn là cuộc chiến tranh tổng lực, trên mọi phương diện, trong đó có cả sự chống phá về tư tưởng, ý thức hệ của các thế lực cơ hội, thù địch. Những âm mưu kích động bạo loạn, lật đổ, tâm lý chiến, tuyên truyền, bôi nhọ, phá hoại từ bên trong thường xuyên xảy ra, có sự phối hợp trong ngoài, trên dưới với nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc, ly tán. Phạm vi chống phá cũng rất đa dạng, kết hợp đấu tranh trên chiến trường với sức mạnh vượt trội về phương tiện chiến tranh, tiềm lực quân sự với tâm lý chiến, phá hoại về tư tưởng, chính trị, bao vây, cô lập... Nội dung và lĩnh vực chống phá được thực hiện, hướng vào những vấn đề khó khăn trong nước, khi Việt Nam vừa thực hiện kháng chiến giành độc lập, vừa từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện điếm xuất phát

thấp, một số lĩnh vực hay bị lợi dụng như dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo... Âm mưu, thủ đoạn chống phá cũng linh hoạt, đa dạng, đó là sử dụng sức mạnh trên chiến trường, kết hợp phá hoại sự ổn định bên trong, ly tán về tư tưởng, chính trị... Ở mỗi thời điểm, giai đoạn khác nhau, các thế lực cơ hội, thù địch sử dụng phương thức chống phá tương ứng. Tuy nhiên, sức mạnh của chính nghĩa và sự đoàn kết, đồng lòng của người dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, đã làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, Việt Nam đã giành độc lập, thống nhất đất nước.

Từ sau năm 1975, đặc biệt là từ khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới (năm 1986) đến nay, Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bước vào giai đoạn mới, với nhiều đặc điểm khác biệt so với trước đây, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến cuộc đấu tranh tư tưởng, ý thức hệ. Những năm cuối thập niên 80 của thế kỷ trước, vì nhiều lý do, nhưng chủ yếu là sai lầm chủ quan, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã lâm vào khó khăn. Khủng hoảng

kinh tế - xã hội, quản lý đất nước yếu kém, sự chia rẽ, mất đoàn kết trong nội bộ, cùng với cuộc chiến tranh lạnh, sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc gây ra đã làm cho một số nước mất ổn định nghiêm trọng, dẫn tới sự sụp đổ của Liên Xô và một loạt nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

Ở Việt Nam, thời điểm này, công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, mới tiến hành được 5 năm, những khó khăn về kinh tế do điểm xuất phát thấp, bị chiến tranh tàn phá nặng nề trước đây, cùng với 2 cuộc chiến tranh biên giới phía Nam và phía Bắc, đã đẩy đất nước vào khủng hoảng chưa từng có. Bị cấm vận, bao vây cô lập, mất nguồn viện trợ từ bên ngoài làm cho Việt Nam đã khó khăn, càng khó khăn hơn, nhiều vùng miền trong cả nước có tình trạng thiếu lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu trở nên trầm trọng... Sự chống phá của các thế lực cơ hội, thù địch giai đoạn này đối với Việt Nam càng quyết liệt hơn bao giờ hết. Điều này không chỉ thể hiện mong muốn xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở một số nước còn lại, trong điều kiện phong trào cộng sản, công nhân quốc tế đang

thoái trào, các thế lực thù địch còn muốn xóa bỏ mô hình chế độ xã hội mới tồn tại hơn nửa thế kỷ.

Trong suốt thời gian từ cuối thế kỷ XX cho đến nay, nội dung chống phá của các thế lực thù địch có thể khái quát ở một số vấn đề cơ bản, như: *i*). Tiếp tục chống phá về hệ tư tưởng, ý thức hệ mà trực tiếp là những quan điểm nền tảng, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, cho rằng đã lỗi thời; đề cao mô hình, thể chế nhà nước tư bản chủ nghĩa, tam quyền phân lập, ca ngợi sức mạnh kinh tế, quân sự, khoa học - công nghệ của chủ nghĩa tư bản... *ii*). Chống phá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam, chia rẽ Đảng với dân, quân đội, công an với nhân dân; phê phán đường lối đối ngoại, trong đó đặc biệt tập trung vào quan hệ Việt Nam- Trung Quốc. *iii*). Hạ thấp thành tựu, đồng thời khoét sâu, thổi phồng những khó khăn, yếu kém, sai lầm trong quản lý kinh tế - xã hội. *iv*). Hạ bệ thần tượng, tập trung vào các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước; nhân việc Đảng xử lý cán bộ tham nhũng, tiêu cực, chúng khuếch đại, chia rẽ nội bộ nhân dân, dân tộc, tôn

giáo, khối đại đoàn kết, làm nhân dân mất lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. *v*). Thông tin bôi nhọ mô hình, yếu kém của một số nước xã hội chủ nghĩa còn lại... Từ những nội dung trên, các thế lực thù địch “chế biến” thành nhiều nội dung cụ thể, có vấn đề chống thường xuyên, liên tục, có nội dung khai thác sâu ở từng thời điểm.

Lực lượng chống phá cũng có nhiều thay đổi, bên cạnh một số thế lực chính trước đây ở các nước phương Tây, lực lượng “điều hầu” cực đoan, còn một bộ phận người Việt Nam ở nước ngoài, “hận thù” dân tộc sau chiến tranh, một số bất mãn, cơ hội trong nước, móc nối với bên ngoài, trong đó có cả một số nguyên là cán bộ cao cấp, trí thức, văn nghệ sĩ... Âm mưu, thủ đoạn chống phá linh hoạt hơn, ngoài việc tiếp tục thực hiện “*diễn biến hòa bình*”, “chiến thắng không cần chiến tranh”, tận dụng tối đa các kênh thông tin, trực tiếp như đài phát thanh, nhà xuất bản trực tiếp hướng vào Việt Nam như trước đây, hiện nay chúng triệt để khai thác thế mạnh truyền thông, mạng xã hội, internet với các hình thức đa dạng, tập

trung vào thế hệ trẻ, với các hình thức mới, như linetream, youtube, facebook... tuyên truyền thông tin sai lệch, xuyên tạc sự thật. Một số lĩnh vực thường tập trung đó là các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện đất đai, biên giới hải đảo, chia rẽ công an, quân đội với dân,..kích động biểu tình, bạo loạn lật đổ, đưa người từ ngoài vào, phối hợp với những phần tử cơ hội, bất mãn trong nước, xây dựng ngọn cờ. Nội dung chống phá cũng linh hoạt, đa dạng và tinh vi hơn, thật giả lẫn lộn, trắng đen thay đổi..., nhất là vào các thời điểm quan trọng, sự kiện chính trị lớn của đất nước, như trước và sau Đại hội Đảng các nhiệm kỳ. Trong đó, luận điểm *Đại hội XIII cần bỏ cụm từ: nền tảng tư tưởng, cứ lý thuyết nào đúng thì theo* là một ví dụ!

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Điều này được ghi trong Hiến pháp, các văn kiện quan trọng của Đảng, trở thành một tuyên ngôn tuyên bố với thế giới, định hướng cho con đường phát triển của đất nước, là sự phản ánh ý chí, nguyện

vọng của người dân, gắn liền với thực tiễn lịch sử, vai trò lãnh đạo của Đảng, mang tính chất hiến định. Từ bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng, đồng nghĩa với từ bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, phá bỏ thành quả của đất nước mà biết bao thế hệ hy sinh xương máu gây dựng nên, từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với đất nước, dân tộc, đó là âm mưu thâm độc. Càng tinh vi và thâm độc hơn, khi gắn nội dung trên với cụm từ *“cứ lý thuyết nào đúng thì theo!”*, bởi vì nếu chỉ đặt vấn đề xóa bỏ nền tảng tư tưởng thì không dễ gì đánh lừa được người dân. Nhân dân Việt Nam gắn bó với Đảng Cộng sản Việt Nam, tin yêu và đi theo Đảng, gọi Đảng Cộng sản Việt Nam là *“Đảng ta”*. Do đó, khi nêu *“cứ lý thuyết đúng thì theo”*, điều này nghe qua rất hợp lý, có tính xây dựng, nhưng thực chất là sự mâu thuẫn, đánh tráo khái niệm. Hoặc là, nền tảng tư tưởng của Đảng là đúng, được thực tiễn Việt Nam khẳng định, thì *“cứ lý thuyết đúng thì theo”* như vậy là đủ, không cần kiên trì nền tảng tư tưởng, dễ bị coi là cứng nhắc, giáo điều. Bên cạnh đó, trong bối cảnh khó khăn của phong trào cộng sản và công

nhân quốc tế hiện nay, các thế lực thù địch thường rêu rao về sự “lạc hậu, lỗi thời” hoặc “chỉ đúng với trước kia, không còn đúng với hiện nay”, điều này cũng đồng nghĩa với việc coi chủ nghĩa Mác - Lênin không còn phù hợp, không còn đúng, và do đó, cứ “*lý thuyết nào đúng thì theo!*” càng có vẻ phù hợp. Điều đó phản ánh âm mưu, thủ đoạn và cho thấy rõ mục đích cuối cùng của các thế lực cơ hội, thù địch là mong muốn Việt Nam từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh!

Tuy nhiên, điều mấu chốt trong sự mâu thuẫn của luận điểm “*cứ lý thuyết nào đúng thì theo!*” là ở chỗ, các thế lực cơ hội, thù địch thường lấy mô hình, lý thuyết của chủ nghĩa tư bản là chân lý, hoặc các lý thuyết theo chúng là đúng, còn khác với quan điểm của chúng là sai. Thậm chí, không ít trường hợp, do hận thù dân tộc, do thái độ thù địch, những người cộng sản làm bất cứ điều gì có lợi cho đất nước, dân tộc, nhân dân chúng đều phê phán. Ở Việt Nam, trong điều kiện còn nhiều khó khăn, nhiều thành tích chúng ta đạt được về xóa mù chữ, xóa đói giảm nghèo, tăng trưởng kinh tế,

ổn định xã hội được thế giới thừa nhận, nhưng các thế lực cơ hội, thù địch vẫn cứ ra rả phê phán. Bởi vậy, cái gọi là “*lý thuyết đúng*” với chúng chỉ là ảo tưởng, đánh tráo khái niệm, mập mờ đánh lừa người thiếu hiểu biết. Bên cạnh đó, không thể so sánh một lý thuyết đơn thuần với một nền tảng tư tưởng, hệ tư tưởng, đó là sự so sánh khập khểnh, thiếu tính hệ thống, tính khoa học. Thông thường, một lý thuyết chỉ đề cập đến một vấn đề, một lĩnh vực cụ thể, còn hệ tư tưởng, nền tảng tư tưởng bao gồm nhiều lý thuyết, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong một chỉnh thể thống nhất, bao quát nhiều lĩnh vực rộng lớn.

2. Những luận cứ khẳng định tính đúng đắn của nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam

(1) Luận cứ về giá trị phổ quát của việc lựa chọn tư tưởng, mô hình phát triển của một quốc gia

Mỗi chế độ xã hội đều dựa trên những quan điểm tư tưởng nhất định, là cơ sở để xây dựng, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong lịch sử phát triển của văn minh nhân loại cho đến nay, dù tiếp cận từ quan điểm chính trị, ý thức hệ như thế nào, mọi

người cũng đều phải thừa nhận, loài người đã trải qua các thời kỳ từ công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa, và sau này, đã có các quốc gia đi lên chủ nghĩa xã hội. Theo quan điểm phát triển, tương ứng với mỗi một thời kỳ đó là một kiểu chế độ xã hội đặc trưng, thể hiện sự tiến hóa của văn minh nhân loại trên các lĩnh vực, từ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mô hình tổ chức nhà nước, xã hội, các giá trị văn hóa, tinh thần tiêu biểu. Các nhà nước La Mã cổ đại, chủ nô, phong kiến phương Đông, tư bản phương Tây minh chứng cho điều đó. Tất nhiên, ở đây có sự phát triển không đều về văn minh, trình độ sản xuất và các kiểu tổ chức xã hội, điều này cũng đồng nghĩa với sự đan xen về trình độ phát triển.

Nhìn chung, tư tưởng, mô hình tổ chức xã hội tồn tại trên thực tế, xét ở các khía cạnh khác nhau đều là tri thức, lý thuyết, kết tinh trí tuệ, tinh hoa của nhóm, tầng lớp, giai cấp hay của nhân loại trong từng giai đoạn lịch sử. Các đảng phái chính trị, nhất là đảng cầm quyền ở từng quốc gia đều đại diện cho một giai cấp hoặc tầng

lớp xã hội nhất định, đều lựa chọn tư tưởng, cương lĩnh ngay từ khi mới ra đời, đặc biệt khi trở thành đảng cầm quyền. Sau Chiến tranh thế giới thứ II, thế giới có khoảng trên 5.000 đảng phái chính trị. Ở Mỹ, hai đảng dân chủ, cộng hòa có lịch sử hàng thế kỷ, ở Anh, Pháp và nhiều quốc gia khác, một số đảng cầm quyền hiện nay cũng tương tự. Điểm khác nhau giữa tư tưởng, hệ tư tưởng, cương lĩnh chính trị của các đảng phái trong mỗi quốc gia là bảo vệ lợi ích cho ai, có được nhân dân ủng hộ không, đất nước có phát triển không? Vì thế, việc lựa chọn ý thức hệ, nền tảng tư tưởng và mô hình phát triển của Việt Nam cũng là vấn đề mang tính phổ quát của tất cả các chính đảng, nhất là các đảng chính trị cầm quyền hiện nay trên thế giới.

(2) Luận cứ về khái niệm, nội hàm khoa học

Theo Bách khoa thư mở (Wikipedia): “*Lý thuyết là một loại chiêm nghiệm và hợp lý của cái gì đó trừu tượng hoặc khái quát hóa của suy nghĩ về một hiện tượng, có thể là khoa học hoặc chưa đến mức khoa học*” và “*Từ lý thuyết hay theo lý thuyết ít nhiều thường được mọi người sử dụng một*

cách sai lầm để giải thích một cái gì đó mà cá nhân họ không trải nghiệm hoặc thử nghiệm trước đó". Điều này cho thấy, xét về mặt khoa học, lý thuyết có thể đúng và chưa đúng và dễ bị sử dụng, phụ thuộc vào chủ quan con người, lý thuyết đúng phải được thực tiễn kiểm nghiệm. Bên cạnh đó, nội hàm của tư tưởng rộng hơn, theo từ điển Triết học giản yếu, năm 1987: "*Tư tưởng là hình thức phản ánh thế giới bên ngoài, trong đó bao hàm sự ý thức về mục đích và triển vọng của việc tiếp tục nhận thức và cải tạo thế giới bên ngoài ấy*"¹, hoặc theo Từ điển tiếng Việt, năm 2005 cho rằng: "*Tư tưởng là quan điểm và ý nghĩ chung của con người đối với hiện thực khách quan và đối với xã hội*"², như vậy có thể thấy, điểm chung nhất có thể khái quát về tư tưởng là sự phản ánh khái quát hiện thực khách quan vào trí óc con người dưới dạng những khái niệm, phạm trù, quy luật... biểu hiện những lợi ích của con người, của giai cấp và của xã hội, nhằm thỏa mãn nhu cầu của các chủ thể. Tư tưởng có một số đặc trưng cơ bản, như: *i*). Có tính độc lập tương đối so với thế giới khách quan, tác động trở lại đối với

thế giới khách quan và hoạt động thực tiễn của con người. *ii*). Nội dung phản ánh của tư tưởng là khách quan, nhưng thông qua chủ quan của con người. *iii*). Luôn gắn bó và thể hiện lợi ích của con người, nhóm người cụ thể. *iv*). Luôn gắn với chủ thể nhất định và phản ánh lợi ích của chủ thể đó. *v*). Có nhiều cấp độ, hình thức khác nhau về sự tiến bộ hay lạc hậu; tính khoa học hay phản khoa học và thể hiện ở các lĩnh vực khác nhau.

Trên cơ sở đó, xác định nội hàm của hệ tư tưởng, được hiểu là *hệ thống các tư tưởng của một giai cấp có mối liên hệ biện chứng, thống nhất, tác động qua lại lẫn nhau, cùng hướng tới một mục tiêu thống nhất, là cơ sở để đảng chính trị, đại diện cho giai cấp đề ra chủ trương, đường lối và tổ chức thực hiện để đạt được mục tiêu đã xác định*. Chính vì thế, khi đề cập đến nền tảng tư tưởng, đồng nghĩa với việc khẳng định những tư tưởng cốt lõi mang tính nguyên tắc, là cơ sở để định hướng cho việc bổ sung, phát triển tư tưởng mới trên nền tảng nguyên tắc cốt lõi, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của thực tiễn. Chủ nghĩa Mác- Lênin là hệ tư tưởng của chính

đảng vô sản cách mạng, Đảng kiểu mới - đảng công sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động. *Đó là hệ thống các tư tưởng, quan điểm sâu sắc và toàn diện của các nhà kinh điển macxit về chính trị, kinh tế, xã hội, triết học, pháp quyền, đạo đức, tôn giáo... bao gồm 3 bộ phận cấu thành, đó là Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.* Đây là học thuyết mở, bản thân các nhà kinh điển macxit cũng chỉ rõ yêu cầu cần phải bổ sung, phát triển trong điều kiện mới. Hơn một thế kỷ qua, thực tiễn phát triển các quốc gia lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa cho thấy, nước nào vận dụng đúng, sáng tạo sẽ phát triển, ngược lại giáo điều, dập khuôn, máy móc sẽ thất bại. Thực tiễn thế giới ngày nay chứng minh một thực tế, đi lên chủ nghĩa xã hội vẫn là xu thế phát triển chung của nhân loại.

Ở Việt Nam, tại Đại hội lần thứ VII, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng,

đã đánh dấu một bước tiến mới về nhận thức và tư duy lý luận của Đảng. Trong đó, chủ nghĩa Mác - Lênin, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ, không chỉ là học thuyết về giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động, giải phóng con người, mà còn là học thuyết về sự phát triển xã hội, là vũ khí tinh thần để Đảng làm tròn vai trò tiên phong, vai trò lãnh đạo cách mạng, và chính Người từ chủ nghĩa yêu nước, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và truyền bá vào Việt Nam. Hồ Chí Minh khẳng định: *"Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải làm theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam"*³. Đó cũng là cơ sở để hình thành nên tư tưởng của Người sau này.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là *hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, kế thừa và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng, dân tộc và nhân dân ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nước ta giành thắng lợi. Từ nhiều nhiệm kỳ đại hội Đảng, đặc biệt từ Đại hội IX đến nay, tư tưởng Hồ Chí Minh được nghiên cứu, làm sáng tỏ trên nhiều vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, như tư tưởng Hồ Chí Minh, nguồn gốc hình thành; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; tư tưởng Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng; tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế; tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng, an ninh; tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa; tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh... Ngày nay, môn Hồ Chí Minh học được giảng dạy ở nhiều cơ sở đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh được triển khai sâu rộng trong toàn

Đảng và xã hội, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đón nhận nồng nhiệt, có nhiều chủ đề học tập theo từng nhiệm kỳ, phù hợp với các đối tượng khác nhau trong xã hội. Nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh đang tiếp tục được mở rộng về triết học, xã hội học, kinh tế...

(3) Luận cứ về tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng, không chỉ được ghi nhận trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng, mà còn được khẳng định, ghi trong Hiến pháp, một văn bản pháp lý quan trọng hàng đầu của mỗi quốc gia. Điều 4, khoản 1, Hiến pháp năm 2013 ghi rõ: “*Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội*”. Không những thế, trải qua các giai đoạn cách mạng khi Đảng, Nhà nước Việt Nam tổng

kết, đánh giá những thành công, hạn chế trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện, vấn đề kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn là một bài học quan trọng hàng đầu được rút ra. Từ Đại hội VII đến Đại hội XII, khi đề cập đến bài học kinh nghiệm, vấn đề kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn được đề cập trong văn kiện Đảng. Tổng kết 30 năm đổi mới, trong 5 bài học được rút ra, bài học đầu tiên: *“Một là, trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam”*²⁴. Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII, ngày 29-9-2020, khi đề cập 5 quan điểm chỉ đạo, quan điểm đầu tiên cũng nêu: *“Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*

Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Như vậy, những luận cứ khoa học và thực tiễn nêu trên cho thấy, nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam, là hệ thống các quan điểm sâu sắc, toàn diện, kết tinh trí tuệ, tinh hoa của nhân loại, luôn được bổ sung, phát triển cùng thời đại và vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Bởi vậy, đây không phải là những lý thuyết đúng đắn riêng lẻ, mà quan trọng hơn, là những lý thuyết đúng đắn đó gắn kết trong một hệ thống, một chỉnh thể thống nhất, mang tính cách mạng và khoa học, được thực tiễn Việt Nam kiểm nghiệm và tiếp tục bổ sung đầy đủ, sâu sắc hơn. Trong giai đoạn kháng chiến giành độc lập dân tộc, nhờ có chủ nghĩa Mác - Lê nin, Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhân dân đứng lên giành chính quyền, xây dựng thành công Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Trên những quan điểm có tính nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra Cương lĩnh, đường lối, chiến lược và các

chính sách phù hợp, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, đánh pháp, đuổi Nhật, làm nên trận Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, và hơn thế nữa, đã đánh bại đế quốc Mỹ và bẻ gãy tay sai để thống nhất đất nước vào năm 1975. Một đất nước nhỏ bé, lạc hậu như Việt Nam trong những năm chiến tranh, nếu không có đường lối đúng đắn, không thể đánh bại các đế quốc lớn, với tiềm lực kinh tế, khoa học - công nghệ, sức mạnh quân sự vượt trội, điều đó càng khẳng định tầm quan trọng của nền tảng tư tưởng. Điều này càng cho thấy tầm quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của đất nước, được thực tiễn lịch sử chứng minh và khẳng định.

(4) Luận cứ về giá trị thời đại, cơ sở để đưa cách mạng Việt Nam phát triển

Từ khi đất nước thống nhất, tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1986 cho đến nay, Việt Nam đứng trước nhiều khó khăn, thách thức to lớn, kết cấu hạ tầng bị tàn phá nặng nề, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, lại bị bao vây, cấm vận, sự chống phá điên cuồng của các thế lực cơ hội, thù địch.

Hàng loạt nước xã hội chủ nghĩa ở Liên xô (cũ) và Đông Âu bị sụp đổ, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lâm vào thoái trào. Chiến tranh hai đầu biên giới phía Bắc chống bành trướng và phía Nam chống xâm lược biên giới Tây Nam, giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng của chế độ Pôn-pốt, tranh chấp biển đảo, biên giới càng làm cho Việt Nam chống chọi khó khăn. Đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện điểm xuất phát thấp, chưa có tiền lệ trong lịch sử, chuyển đổi từ mô hình kế hoạch tập trung, quan liêu, mệnh lệnh sang kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, thiếu sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đây là những thách thức to lớn. Tuy nhiên, sau gần 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Kiên định độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp, lãnh đạo nhân dân vượt qua khó

khăn, thử thách, biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, tiếp thu tinh hoa của thế giới, đặc biệt là cuộc cách mạng khoa học- công nghệ, sau này là cách mạng công nghiệp lần thứ tư... Việt Nam có quan hệ rộng mở với các quốc gia trên thế giới, vị thế ngày càng nâng cao trên trường quốc tế. Điều này càng khẳng định vai trò của nền tảng tư tưởng của Đảng, một nhân tố cực kỳ quan trọng không thể tách rời sự phát triển của đất nước cho đến ngày nay. Đúng như Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng khẳng định, trong bài viết ngày 31/8/ 2020 với tiêu đề: “*Chuẩn bị và tiến hành thật tốt Đại hội XIII của Đảng, đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới*”. Chỉ rõ: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực,

vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay và: “*Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được nghiêng ngả, dao động*”. Những quan điểm trên là sự đúc kết sâu sắc từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, vì thế không có chuyện từ bỏ “*nền tảng tư tưởng của Đảng, cứ lý thuyết nào đúng thì theo*”, một âm mưu thâm độc của các thế lực cơ hội, thù địch ■

¹ Hữu Ngọc, Dương Phú Hiệp, Lê Hữu Tăng: *Từ điển triết học giản yếu*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, tr.495-496.

² Viện ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, 2005, tr.1071.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb Chsinh trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.289.

⁴ *30 năm đổi mới và phát triển Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 2015, tr.344.



VAI TRÒ ĐỘT PHÁ CỦA KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẤT NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

● PGS, TS TRẦN QUỐC TOÀN

Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương

LĐiểm mới về nhận thức trong Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội XIII của Đảng về vai trò của khoa học - công nghệ là không chỉ nhấn mạnh phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, mà còn đề cao yêu cầu “đổi mới sáng tạo” như một định hướng trung tâm của phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ đáp ứng với đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa theo hướng hiện đại trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tăng tốc, với những nội

dung mang tính sáng tạo ở tầm rất cao là trí tuệ nhân tạo, robots, internet vạn vật, kinh tế số...

Nêu rõ phải phát triển hệ thống sáng tạo quốc gia, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp là trung tâm ứng dụng công nghệ và phát triển sản phẩm, các trường đại học và các viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu và phát triển (R&D); tạo cơ chế liên kết hữu cơ giữa các cơ sở nghiên cứu với các doanh nghiệp trên cơ sở chia sẻ về trách nhiệm và lợi ích tương hỗ.



Áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam _ Ảnh: TL

Đồng thời, lần đầu tiên, chính thức xác định phải xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xây dựng môi trường hoạt động khoa học - công nghệ dân chủ, công khai, minh bạch; khắc phục tình trạng quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, hành chính hoá trong hoạt động khoa học - công nghệ; tạo động lực nền tảng, quan trọng nhất cho phát triển đất nước nhanh, bền vững trong giai đoạn mới.

2. Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước đang đứng trước bối cảnh mới: Trên thế giới, cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn, diễn ra trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, ngoại giao, an ninh, quốc phòng, sức mạnh mềm..., và được quy tụ thành cạnh tranh vị thế quốc gia, cạnh tranh năng lực tự chủ và phát triển của đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa. Nhưng ẩn sâu bên trong các cuộc cạnh tranh chiến lược là cạnh tranh về sở hữu trí tuệ nhân

tạo - về công nghệ cao; ai nắm được sở hữu trí tuệ nhân tạo, công nghệ cao là người đó nắm được vận mệnh của sự phát triển; đối với các nước lớn đó là khả năng chi phối và “cắm chốt” các thể chế phát triển và “luật chơi” trên thế giới; đối với các nước nhỏ và đang phát triển thì đó là khả năng vươn lên, không bị tụt hậu, không bị lệ thuộc thụ động trong quá trình phát triển. Quá trình đổi mới sáng tạo đang diễn ra mạnh mẽ ở rất nhiều nước trên thế giới với những cấp độ khác nhau, đặt ra những cơ hội lớn và những thách thức không nhỏ.

Việt Nam cũng đang đứng trước cơ hội và thách thức này. Định hướng chiến lược là phải đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng sang phát triển theo chiều sâu, chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên nền tảng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng trưởng kinh tế sẽ phải dựa chủ yếu vào năng suất các nhân tố tổng hợp, khoa học công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tác động lớn đến mọi mặt, tất cả các lĩnh vực của nước

ta. Vì thế, cần có chiến lược và chính sách phù hợp để khai thác, tận dụng thành công những cơ hội và ứng phó hiệu quả với các khó khăn, thách thức.

Chính yêu cầu này đặt đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại, nhất là công nghệ cao vào vai trò đột phá đối với sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

3. Trong mô hình tăng trưởng, phát triển theo chiều rộng, với đặc trưng cơ bản là thâm dụng vốn, đất đai và tài nguyên, lao động giá rẻ, sản phẩm chủ yếu là chế biến thô, sơ chế với trình độ công nghệ thấp, thiên về tăng quy mô số lượng, giá trị gia tăng thấp. Mô hình tăng trưởng đó đã phát huy vai trò quan trọng đối với sự phát triển đất nước trong gần 35 năm qua. Tuy nhiên, với trình độ công nghệ thấp không đưa lại năng suất lao động cao, chất lượng sản phẩm thấp, năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa và của cả nền kinh tế thấp, chậm được cải thiện. Chính điều này đã làm suy giảm đáng kể động lực tăng trưởng trong giai đoạn 2010 - 2016. Thực trạng đó đặt ra yêu cầu khách quan phải chuyển mạnh sang mô hình phát triển theo

chiều sâu; điều này được nêu rõ trong Văn kiện Đại hội XI của Đảng (2011). Tuy nhiên cho đến nay chưa có sự chuyển biến đáng kể.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy đổi mới sáng tạo giữ vai trò then chốt đối với phát triển mọi mặt của xã hội, nhất là tăng trưởng kinh tế. Động lực tăng năng suất lao động quan trọng nhất chính là đổi mới sáng tạo, trọng tâm là phát triển và ứng dụng công nghệ cao. Đổi mới sáng tạo được xác định với với năm trụ cột đầu vào là thể chế vĩ mô, nguồn nhân lực và nghiên cứu, cơ sở hạ tầng, thị trường và môi trường kinh doanh; và hai trụ cột đầu ra là sản phẩm tri thức và công nghệ, sản phẩm sáng tạo¹. Nhưng, tùy theo điều kiện của mỗi nước mà lựa chọn con đường và mô hình cụ thể cho mình. Sự thành công tùy thuộc vào khả năng nhận biết, nắm bắt, ứng dụng và phát triển tiến bộ công nghệ của mỗi nước. Ngay các nước trong khối ASEAN cũng đã nhận thức rõ vấn đề này. Tại Hội nghị Diễn đàn Kinh tế thế giới về ASEAN năm 2018 tại Hà Nội (ngày 13-9-2018), đã đưa ra thông điệp nổi bật: Mỗi nước cần chủ động phát huy tinh thần doanh nghiệp, đẩy mạnh

đổi mới sáng tạo với tầm nhìn đa chiều, dài hạn để phát triển bền vững trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

4. Chuyển sang mô hình phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, *sáng tạo đã trở thành động lực quan trọng nhất*, với bản chất cốt lõi là sự tăng trưởng và phát triển phải là kết quả chủ yếu của tăng năng suất lao động, tăng giá trị gia tăng dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao. Có thể nói đây là “*con đường độc đạo*” bắt buộc Việt Nam phải đi qua, nếu muốn phát triển nhanh, bền vững.

Việt Nam xác định đổi mới sáng tạo, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nhất là công nghệ cao là một nội dung cốt lõi của quá trình công nghiệp hóa theo hướng hiện đại, gắn với xây dựng quốc gia khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước. Đây cũng là nhân tố cốt lõi để đất nước không rơi vào “bẫy thu nhập trung bình”. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cùng với cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra những cơ hội lớn, nhưng cũng đặt

ra những thách thức không nhỏ. Nếu vẫn tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng theo chiều rộng, dựa vào tăng vốn và lao động giá rẻ, tăng đầu tư FDI thiếu sự lựa chọn mang tính chiến lược với quá nhiều ưu đãi không phù hợp, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa chất lượng không cao, thúc đẩy tham gia vào chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu ở những phân khúc công nghệ thấp, chủ yếu là gia công, lắp ráp... thì hiệu quả tăng trưởng sẽ thấp và tiếp tục suy giảm. Sự chênh lệch lớn về trình độ đổi mới sáng tạo, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao trong một môi trường quốc tế có sự cạnh tranh gay gắt khiến cho sự thua thiệt và yếu thế luôn nằm về phía không làm chủ được công nghệ tiên tiến. Đây là một thách thức rất lớn đối với nước ta.

Con đường duy nhất là phải *coi đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao là một đột phá chiến lược*. Phải hiện thực hóa nhất quán chủ trương khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng

trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; phải được cụ thể hoá bằng các cơ chế, chính sách cụ thể đối với sự phát triển của đất nước, nhất là đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang phát triển theo chiều sâu trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đặc biệt, phải hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo gồm ba cơ chế : cơ chế phát triển khoa học - công nghệ hướng vào ứng dụng (tạo cung), cơ chế phát triển kinh tế - xã hội dựa trên đổi mới sáng tạo (tạo cầu) và cơ chế liên kết phát triển khoa học - công nghệ với phát triển kinh tế - xã hội (liên kết cung cầu); phải ưu tiên, tập trung đầu tư trước một bước cho phát triển khoa học và đổi mới công nghệ. Thực hiện trên thực tế “khoa học-công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu”, là động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội. Như Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phát biểu tại Hội Chính phủ với các địa phương vào đầu năm 2018 đã nhấn mạnh:

“Chúng ta phải nỗ lực phấn đấu để nước ta không chỉ năm sau tiến bộ hơn năm trước, mà phải phát triển nhanh và bền vững hơn để không tụt hậu, từng bước theo kịp các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới”.

Việt Nam đang đứng trước một cơ hội rất lớn (có thể nói một cách hình ảnh là “*có một không hai*”, “*bây giờ hoặc không bao giờ*”) để thực hiện khát vọng xây dựng quốc gia thịnh vượng, hùng cường, nếu xác định đúng và thực hiện thành công đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công

nghệ cao là một đột phá chiến lược. Trong đó đặt nhân tố con người - nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao vào trung tâm của quá trình phát triển; tạo thành “tam giác vàng: Con người - Thể chế - Công nghệ”, bảo đảm đồng bộ tính khả thi về khoa học - công nghệ, tính khả thi về mặt kinh tế, tính khả thi về mặt xã hội và tính khả thi về bảo vệ môi trường; để khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, là động lực nền tảng, quan trọng nhất của quá trình phát triển đất nước trong giai đoạn mới ■

¹ Đổi mới sáng tạo là năng lực tạo ra và ứng dụng giải pháp kỹ thuật, thành tựu công nghệ, sự linh hoạt và hiệu quả trong phản ứng chính sách và thị trường để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm và phát triển doanh nghiệp. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index, gọi tắt là GII) là một bộ công cụ đánh giá xếp hạng năng lực đổi mới sáng tạo của các quốc gia, được Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) phối hợp Viện INSEAD (Pháp) và Đại học Cornell (Mỹ) tính toán. Năm 2018, bộ chỉ số này gồm có 21 nhóm chỉ số và 80 tiểu chỉ số, được chia thành bảy trụ cột chính với năm trụ cột đầu vào là: Thể chế vĩ mô, Nguồn nhân lực và nghiên cứu, Cơ sở hạ tầng, Thị trường và Môi trường kinh doanh, và hai trụ cột đầu ra là: Sản phẩm tri thức và công nghệ, Sản phẩm sáng tạo.